Chương 3 Tổng quát, Kết quả và Đánh giá Điều tra thử lần 1, lần 2 và Điều tra tiền trạm

Chương 3 Khái quát và Kết quả của Điều tra thử lần 1, lần 2 và Điều tra Tiền trạm

3.1 Khái quát thực hiện Điều tra thử

3.1.1 Nội dung và mục đích của Điều tra thử

Mục tiêu của việc thực hiện Điều tra thử là thẩm định lại "Kế hoạch sơ bộ cho Điều tra sản xuất công nghiệp thường xuyên" do Nhóm Nghiên cứu JICA xây dựng để đảm báo tính khả thi khi phương pháp này được Tổng cục Thống kê (TCTK) áp dụng chính thức. Điều tra thử lần 1 được tiến hành trong vòng 3 tháng trong năm đầu tiên của dự án Nghiên cứu và tương tự như vậy cho Điều tra thử 2. Dựa vào kết quả của các cuộc điều tra, việc áp dụng chính thức "Điều tra hàng tháng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu" (MSMIP) sẽ được áp dụng. Những vấn đề chính cần thẩm định bao gồm:

Các chỉ tiêu cần thẩm định trong Điều tra thử lần 1:

- Phương pháp điều tra:
  Kiểm tra xem liệu phương pháp điều tra như nội dung của phiếu điều tra, tài liệu hướng dẫn điều tra, phương pháp thu thập số liệu, phương pháp kiểm tra, quá trình tổng hợp số liệu có phù hợp với các điều kiện cụ thể của Việt Nam không.
- Phiếu điều tra và các chỉ tiêu điều tra:
  Xác nhận tỷ lệ thu thập và nhập tin cũng như độ tin cậy của các số liệu thu thập.
- Xác nhận từ doanh nghiệp:
  Xác nhận phương pháp điều tra và các chỉ tiêu trên cơ sở ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp
- Số liệu cho phát triển chỉ số:
  Số liệu thu thập được sẽ là cơ sở cho phát triển chỉ số.

Các chỉ tiêu cần thẩm định cho Điều tra thử lần 2:

Điều tra thử lần 2 được thiết kế và thực hiện dựa trên kết quả của Điều tra thử 1 nhằm xây dựng Điều tra thống kê sản xuất thường xuyên ở Việt Nam cũng như thẩm định Kế hoạch Phát triển cơ bản cho Thống kê sản xuất thường xuyên và Chỉ số sản xuất cũng thu thập các số liệu cơ bản.

- Phương pháp điều tra
  Xác nhận nội dung và sự hợp lý của các tài liệu liên quan
- Thẩm định lại cuộc điều tra với đơn vị là cơ sở kinh tế:
  Thực hiện điều tra với đơn vị là cơ sở kinh tế để xác nhận tính khả thi của nó
- Các ngành điều tra/phân loại sản phẩm:
  Xác nhận các ngành điều tra và phân loại sản phẩm (khả năng so sánh quốc tế, phân ngành có phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam không)

- Phát triển chỉ số mới và phương pháp tính toán:
  Phát triển chỉ số có khả năng so sánh quốc tế cùng phương pháp tính toán
- Xây dựng hệ thống công bố số liệu:
  Xây dựng nội dung và phương pháp công bố số liệu (xác nhận vấn đề tổng hợp số liệu cơ bản, chu kỳ công bố và các vấn đề liên quan)
- Các hoạt động tuyên truyền:
  Các hoạt động tuyên truyền cho thống kê sản xuất thường xuyên thông qua điều tra thử

Những khác biệt cơ bản giữa Điều tra thử lần 1 và Điều tra thử lần 2 như sau:

Bảng 3-1 So sánh giữa Điều tra thử 1 và Điều tra thử 2

	Điều tra thử 1	Điều tra thử 2
Số các ngành điều tra	40	48
Số các sản phẩm điều tra	213	524
Đơn vị điều tra	Doanh nghiệp	Cơ sở kinh tế
Số đơn vị điều tra dự kiến (Số đơn vị điều tra thực tế)	500 (499)	2000 (1927)
Địa bàn điều tra	Ba địa bàn (Tp Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh)	9 địa bàn (Tp Hà Nội, Tỉnh Bắc Ninh, Tỉnh Vĩnh Phúc, Tp Hải Phòng, tỉnh Thanh Hoá, Tp Đà Nẵng, Tp Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương)
Chỉ tiêu điều tra	· Khối lượng sản xuất · Khối lượng xuất kho · Khối lượng tồn kho cuối kỳ · Doanh thu thuần · Tổng doanh thu thuần	· Khối lượng sản xuất · Khối lượng xuất kho · Khối lượng tiêu thụ nội bộ · Khối lượng tồn kho cuối kỳ · Trị giá hàng xuất kho · Khối lượng sản xuất dự tính tháng tiếp theo

3.1.2 Lựa chọn các đối tượng điều tra

Điều tra thử là cuộc điều tra cơ bản phục vụ cho việc tiến hành kế hoạch phát triển thống kê sản xuất thường xuyên ở Việt Nam. Một cuộc điều tra áp dụng trên toàn quốc sẽ không thể thực hiện được do những khó khăn về thời gian và ngân sách nên cuộc Điều tra thử được thiết kế để thực hiện với một số lượng các đối tượng điều tra và kỳ điều tra hạn chế nhằm thu thập được các thông tin hữu ích phục vụ việc thực hiện kế hoạch đề ra. Vì vậy, trong Điều tra thử lần 1, số lượng các đối tượng điều tra là 500 doanh nghiệp và Điều tra thử 2 là 2000 cơ sở kinh tế. Hai cuộc Điều tra thử được thực hiện trong ba tháng liên tục (số lượng các ngành và các địa bàn điều tra cũng được giới hạn).

Quy trình lựa chọn địa bàn điều tra, ngành và các sản phẩm điều tra được tiến như trình bày dưới đây.

3.1.2.1 Lựa chọn các địa bàn điều tra

(1) Nguyên tắc cơ bản cho việc lựa chọn

Ba tỉnh/thành phố được lựa chọn trong Điều tra thử lần 1 bao gồm Tp Hà Nội, Tỉnh Bắc Ninh và Tp Hồ Chí Minh. Lý do lựa chọn như sau:

1) Tổng giá trị sản xuất của Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh chiếm trên 30% (về mặt giá trị) trong tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp chế biến ở Việt Nam (= đó là những địa bàn công nghiệp chính của Việt Nam)
2) Bắc Ninh là một tỉnh nhỏ giáp Hà Nội nhưng nó đại diện cho khu vực công nghiệp địa phương điển hình của Việt Nam.

Cụ thể, việc lựa chọn địa bàn điều tra được xem xét để đạt được các kết quả tối ưu bằng cách thu hẹp số địa bàn điều tra. Trong Điều tra thử lần 2, tổng số 9 địa bàn (4 thành phố và 5 tỉnh) được lựa chọn là địa bàn điều tra. Như vậy, 6 địa bàn công nghiệp mới được bổ sung với ba địa bàn của Điều tra thử 1.

(2) Địa bàn điều tra của các cuộc Điều tra thử

Các tỉnh và thành phố điều tra được thể hiện dưới đây (Hình 3-1).

Hình 3-1 Các tỉnh và thành phố điều tra trong các cuộc Điều tra thử

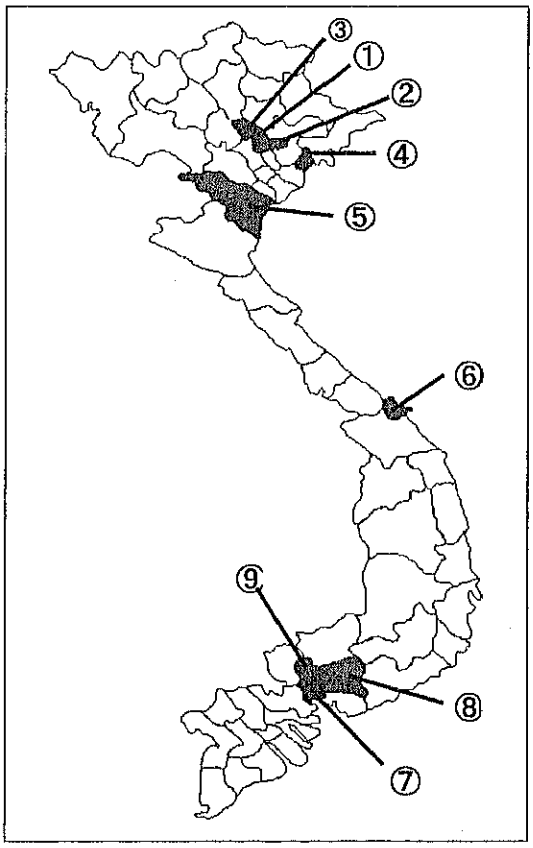

Số.	Vùng	Điều tra thử 1	Điều tra thử 2
①	Miền Bắc	Tp Hà Nội	Tp Hà Nội
②		Tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh
③		–	Tỉnh Vĩnh Phúc
④		–	Tỉnh Hải Phòng
⑤		–	Tỉnh Thanh Hoá
⑥	Miền Trung	–	Tp Đà nẵng
⑦	Miền Nam	Tp Hồ Chí Minh	Tp Hồ Chí Minh
⑧		–	Tỉnh Đồng Nai
⑨		–	Tỉnh Bình Dương

3.1.2.2 Các ngành điều tra

(1) Khái niệm cơ bản cho việc lựa chọn ngành điều tra

Ở Việt Nam, "Phân ngành Công nghiệp chuẩn Việt Nam (VSIC)" hiện đang được sử dụng trong phân ngành công nghiệp. Phân ngành này được phát triển dựa trên "Phân ngành chuẩn quốc tế (ISIC) phiên bản 3.0" do Ban Thống kê Liên hợp quốc ban hành.

Công nghiệp Việt Nam được phân loại thành ba ngành bao gồm "C: Công nghiệp khai thác mỏ", "E: Cung cấp điện, nước và khí đốt", và "D: Công nghiệp chế biến". Các cuộc điều tra công nghiệp được tiến hành dựa trên các phân ngành trên. Các phân ngành công nghiệp trên sẽ được áp dụng trong thống kê công nghiệp để phát triển kế hoạch cơ bản của thống kê sản xuất thường xuyên. Tuy nhiên, việc điều tra cả ba ngành trên là mục tiêu cuối cùng. Trong qua trình phát triển và xây dựng thống kê sản xuất, các ngành điều tra sẽ bị hạn chế. Cụ thể, sau khi thảo luận với TCTK, các ngành điều tra sẽ được lựa chọn từ "D: Công nghiệp chế biến" với ngành cấp 4. Các ngành điều tra được lựa chọn theo ba bước dưới đây.

Bước đầu tiên:

Trước khi lựa chọn ngành cho các cuộc điều tra thử, những ngành chính ở cấp toàn quốc được lựa chọn và xác định như những ngành quan trọng của Việt Nam. Những ngành này sẽ được xem như những ngành chủ chốt để tìm hiểu xu hướng công nghiệp của Việt Nam và thực hiện các phân tích sâu.

Bước thứ hai:

Sau khi đã xác định các ngành chính ở cấp toàn quốc, các ngành chính ở mỗi địa bàn điều tra sẽ được phân tích và lựa chọn. Việc tìm hiểu xu hướng công nghiệp tại cấp tỉnh thành cũng rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi sang thống kê sản xuất thường xuyên vì hiện nay xu hướng này đang được phân tích trong Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng.

Bước thứ ba:

Cuối cùng, các ngành trong điều tra thử được quyết định theo phương pháp lựa chọn các ngành chính tại cấp tỉnh kết hợp với các ngành chính cấp quốc gia.

Quy trình lựa chọn và các chỉ tiêu trong các cuộc Điều tra thử cũng sẽ được áp dụng Kế hoạch phát triển. Chi tiết quy trình được mô tả dưới đây.

(2) Lựa chọn các ngành công nghiệp chủ yếu (cấp quốc gia)

Các ngành công nghiệp chủ yếu được lựa chọn bằng cách sử dụng nhiều chỉ tiêu kinh tế và việc lựa chọn cuối cùng được thực hiện dựa trên việc xem xét tổng thể đối các chính sách công nghiệp và các chính sách có liên quan của quốc gia cũng như tầm quan trọng của từng ngành (Hình 3-2). Các chỉ tiêu lựa chọn được tóm tắt như sau.

Hình 3-2 Cấu trúc cơ bản của việc lựa chọn ngành chế biến mục tiêu

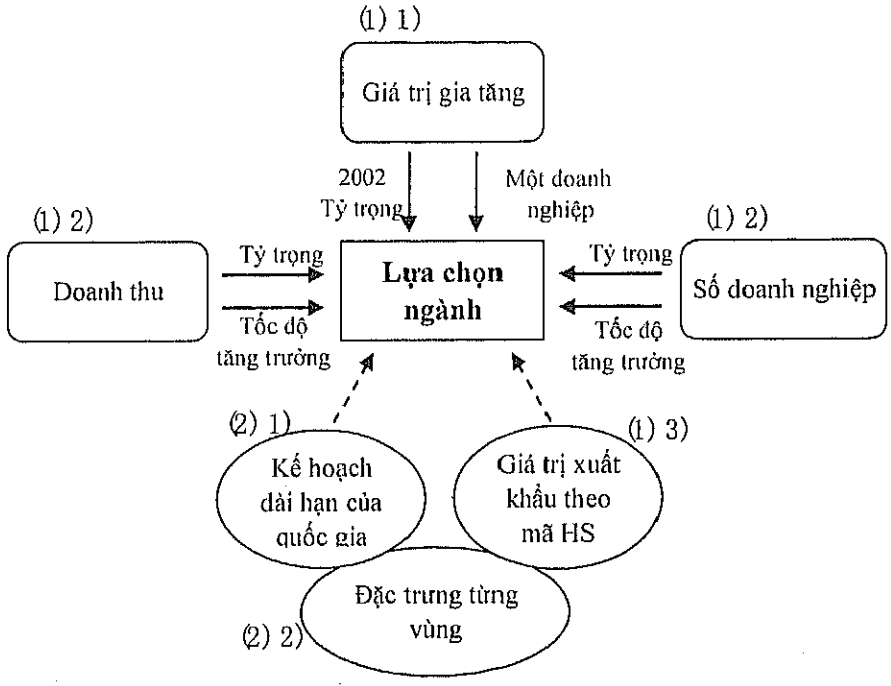

1) Chỉ tiêu lựa chọn các ngành công nghiệp chính dựa trên số liệu kinh tế

(a) Giá trị tăng thêm

Trên cơ sở giá trị tăng thêm cho các ngành VSIC cấp 4 từ Điều tra Doanh nghiệp năm 2002, tỷ trọng của các ngành trong ngành công nghiệp chế biến được tính toán và phân tích. Tất cả các ngành sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tỷ trọng của chúng trong tổng giá trị tăng thêm và những ngành nằm trong nhóm chiếm 80% tổng giá trị tăng thêm cộng dồn được lựa chọn.

(b) Doanh thu thuần và số lao động theo từng ngành

Về chỉ tiêu doanh thu thuần và số lao động trong năm 2002, tỷ trọng của mỗi ngành được tính toán, Đồng thời, tốc độ tăng trưởng giữa năm 2001 và 2002 cũng được tính cho mỗi ngành và các ngành được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp.

(c) Mười ngành đứng đầu trong thống kê xuất khẩu

Thống kê xuất khẩu của Việt Nam bao gồm các danh mục ngành mã cấp 6 chữ số với tên gọi và phân loại phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Phân loại dựa theo mã Hệ thống điều hoà (HS) được nhiều quốc gia lớn sử dụng trong thuế biểu, thống kê và những mục đích tương tự. Vì việc phân loại lại những ngành xuất khẩu này theo mã VSIC phân ngành cấp 4 là tương đối khó khăn nên các ngành đứng đầu đã được xác định và phân tích để tìm ra quyền số trong quy trình lựa chọn. Công việc này được thực hiện bằng cách sử dụng số liệu thống kê xuất khẩu hàng năm (theo mã HS) xuất bản trong cuốn sách Xuất nhập khẩu hàng hoá của Vụ Thương mại, Giá cả và Dịch vụ, GSO.

2) Tiêu chuẩn lựa chọn cho các ngành công nghiệp chính dựa trên chính sách ưu tiên

(a) Chính sách phát triển công nghiệp dài hạn của Chính phủ

Các ngành công nghiệp ưu tiên do Chính phủ quy định có thể được tham khảo trong các kế hoạch phát triển dài hạn của Chính phủ. Từ kế hoạch phát triển dài hạn của Chính phủ Việt nam đối với các ngành công nghiệp trong "Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng", các ngành công nghiệp được Chính phủ tập trung phát triển được xác định và phản ánh trong quá trình lựa chọn. Kế hoạch phát triển công nghiệp dài hạn trong báo cáo được tóm tắt như sau:

1. Những ngành hiện có: ưu tiên phát triển nhanh những ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu như chế biến nông, lâm, thuỷ sản, may mặc, da giày, điện tử-tin học, một số sản phẩm cơ khí và hàng tiêu dùng.
2. Xây dựng cơ sở kinh tế: Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng với bước đi hợp lý, phù hợp với điều kiện vốn, công nghệ, thị trường và phát huy được hiệu quả.
3. Các ngành mới: ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá. Chú trọng phát triển công nghệ sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội.
4. Mục tiêu (các con số): Đáp ứng nhu cầu về nguyên vật liệu thép xây dựng, phân bón; ngành cơ khí phải đáp ứng 40% nhu cầu trong nước, tỷ lệ nội địa hoá của các ngành sản xuất xe cộ, máy móc và thiết bị đạt 60-70%.

Sau các bước nói trên, Nhóm Nghiên cứu JICA đã lựa chọn những ngành chủ chốt trong cả nước (15 ngành). Sau đó, danh sách các ngành trên sẽ được xem xét với Tổ Công tác trong Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK và tám ngành đã được chọn là những ngành chủ chốt đại diện cho ngành công nghiệp của cả nước. Tỷ trọng giá trị gia tăng của những ngành này trong ngành công nghiệp chế biến là 33.3% trong năm

2002.(CHÚ Ý: giá trị sản xuất được sử dụng như một chỉ tiêu cho Điều tra thử lần 2 vì số liệu giá trị tăng thêm không có)

- 1810 Sản xuất trang phục, trừ quần áo da lông thú
- 2694 Sản xuất xi măng, vôi vữa
- 1553 Sản xuất bia và mạch nha
- 1600 Sản xuất các ngành thuốc lá, thuốc lào
- 1512 Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các ngành từ thuỷ sản
- 3410 Sản xuất xe có động cơ
- 3591 Sản xuất mô tô, xe máy
- 2101 Sản xuất giấy nhãn và bao bì

(3) Những ngành được điều tra trong các cuộc Điều tra thử

Như đã trình bày ở trên, các ngành điều tra có thể được thu hẹp lại trong giai đoạn đầu phát triển của điều tra thống kê sản xuất thường xuyên. Mặt khác, việc tìm hiểu xu hướng công nghiệp ở cấp địa phương trong giai đoạn điều tra cũng là một điều cần thiết. Để giải quyết vấn đề này, danh sách các ngành điều tra cuối cùng cho các cuộc Điều tra thử được lựa chọn bằng cách kết hợp quy trình lựa chọn ở cả cấp toàn quốc và cấp tỉnh.

Tổng quát quy trình lựa chọn ngành cho các cuộc Điều tra thử được trình bày dưới đây (Tham khảo Hình 3-3).

- Lựa chọn các ngành VSIC cấp 4 nằm trong nhóm có tỷ trọng giá trị sản xuất cộng dồn đạt 80% tổng giá trị sản xuất cả nước trên cơ sở số liệu giá trị sản xuất theo từng ngành công nghiệp (số liệu thu được từ Cuộc Điều tra doanh nghiệp của năm 2003 thực hiện năm 2004) bao gồm 8 ngành chính mà Nhóm Nghiên cứu JICA đã chọn (37 ngành đứng đầu chiếm 80.33% tổng giá trị sản xuất của Việt Nam, theo số liệu năm 2004)
- Tương tự như trường hợp lựa chọn ngành tại cấp toàn quốc, một đường giới hạn tại 75% giá trị sản xuất của từng địa bàn điều tra được đưa ra để lựa chọn các ngành VSIC cấp 4 nằm trong nhóm đó (Tỷ lệ đại diện khác nhau tuỳ vào từng tỉnh/thành phố)
- Các ngành được lựa chọn tại cấp tỉnh/thành phố và cấp toàn quốc sẽ được so sánh và loại trừ theo những điều chỉnh sau:
  - Những ngành công nghiệp chính ở cấp tỉnh/thành phố nhưng không quan trọng ở cấp toàn quốc (→ chọn)
  - Những ngành công nghiệp không nằm trong nhóm chiếm 75% giá trị sản xuất ở cấp tỉnh, thành phố nhưng lại quan trọng ở cấp toàn quốc (→ chọn)

Kết quả là, 40 ngành đã được chọn cho Điều tra thử 1. Cho Điều tra thử 2, 48 ngành đã được chọn bao gồm 39 ngành đã được điều tra trong Điều tra thử 1 (Bảng 3-2). Một ngành không được lựa chọn là trong Điều tra thử 2 mặc dù được điều tra ở Điều tra thử 1"VSIC2211 Ngành xuất bản sách" do tầm quan trọng của ngành này ở cấp quốc gia đang giảm dần.

Các ngành lựa chọn tại cấp tỉnh/thành phố được mô tả chi tiết cùng với số cơ sở kinh tế điều tra như sau (trong Chương 3 này, Trang 3-16, Bảng 3-3)

Hình 3-3 Quy trình lựa chọn các ngành điều tra trong các cuộc Điều tra thử

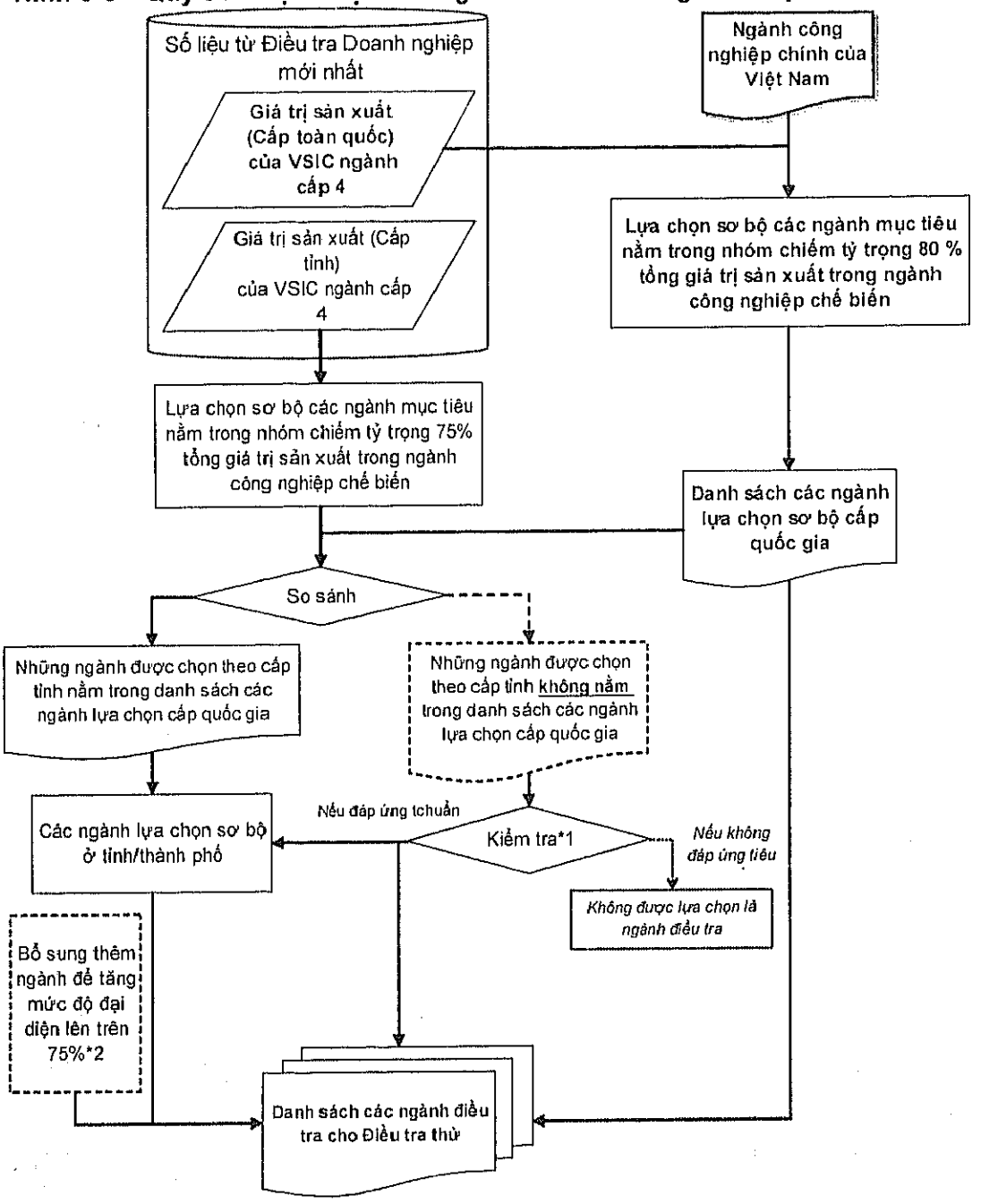

*1: Các tiêu chuẩn kiểm tra như sau:

1-1 Đó có phải là ngành quan trọng trong địa bàn điều tra hay không..

1-2 Đó có phải là ngành gồm những sản phẩm khác chưa được phân vào đâu (VD: 1729 hay 3699).

*2: Nếu các ngành đã lựa chọn không đạt mức độ đại diện là trên 75% trên địa bàn điều tra, những ngành bổ sung sẽ được chọn từ danh sách các ngành chính theo cấp quốc gia.

Bảng 3-2 Các ngành lựa chọn và tỷ lệ đại diện theo giá trị sản xuất cấp toàn quốc

(Đến năm 2003)

	Điều tra thử	Điều tra thử	VSIC	Ngành	Giá trị sản xuất	
					Tỷ trọng so với cả	Cộng dồn
1	O	O	1512	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và sản phẩm từ thuỷ sản	7.45%	7.45%
2	O	O	1920	Sản xuất giày dép	5.04%	12.49%
3	O	O	1810	May trang phục (trừ quần áo da lông thú)	4.55%	17.03%
4	O	O	2694	Sản xuất xi măng, vôi, vữa	4.11%	21.15%
5	O	O	3410	Sản xuất xe có động cơ	4.06%	25.21%
6	O	O	2710	Sản xuất sắt, thép	3.93%	29.14%
7	O	O	3591	Sản xuất mô tô, xe máy	3.79%	32.93%
8	O	O	1711	Sản xuất sợi và dệt vải	3.43%	36.36%
9	O	O	2520	Sản xuất các sản phẩm từ plastic	3.30%	39.65%
10	O	O	1533	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm	2.92%	42.58%
11	O	O	1600	Sản xuất các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	2.75%	45.33%
12	O	O	1553	Sản xuất bia và mạch nha	2.43%	47.75%
13	O	O	3610	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.	2.36%	50.11%
14	–	O	1549	Sản xuất các thực phẩm khác	2.28%	52.39%
15	O	O	1531	Xay xát và sản xuất bột thô	2.02%	54.42%
16	O	O	2424	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng	1.84%	56.26%
17	O	O	2693	Sản xuất gạch, ngói và gốm, sứ xây dựng không chịulửa	1.76%	58.02%
18	O	O	2899	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại	1.69%	59.70%
19	O	O	1520	Sản xuất sản phẩm bơ, sữa	1.54%	61.24%
20	O	O	3010	Sản xuất thiết bị văn phòng	1.48%	62.72%
21	O	O	3130	Sản xuất cáp điện và dây điện có bọc cách điện	1.34%	64.06%
22	O	O	3230	Sản xuất máy thu thanh, thu hình, thiết bị ghi & phát	1.24%	65.30%
23	O	O	2423	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	1.23%	66.53%
24	O	O	3511	Đóng và sửa chữa tàu	1.18%	67.71%
25	O	O	2412	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	1.13%	68.84%
26	–	O	1542	Sản xuất đường	1.12%	69.96%
27	O	O	2221	In	1.11%	71.08%
28	O	O	1514	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1.08%	72.15%
29	O	O	2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	1.05%	73.20%
30	O	O	3190	Sản xuất thiết bị điện khác	1.04%	74.24%
31	O	O	3220	Sản xuất máy truyền thanh, truyền hình và các thiết bị	0.95%	75.19%
32	O	O	2102	Sản xuất giấy nhăn và bao bì	0.94%	76.14%
33	O	O	3210	Sản xuất đèn, ống đèn điện tử và các linh kiện điện tử	0.92%	77.06%
34	–	O	2029	Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ	0.87%	77.93%
35	O	O	1554	Sản xuất đồ uống không cồn	0.85%	78.77%
36	O	O	2101	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	0.80%	79.58%
37	–	O	2422	Sản xuất sơn, vecni và các chất sản quét tương tự	0.75%	80.33%
38	O	O	2695	Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa	0.73%	81.06%
39	–	–	2421	Sản xuất thuốc trừ sâu và các sản phẩm hoá chất khác	0.65%	81.71%
40	–	O	2930	Sản xuất thiết bị gia đình	0.65%	82.36%
41	O	O	2519	Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	0.63%	82.99%
42	–	–	3699	Sản xuất các sản phẩm khác	0.63%	83.62%
43	O	O	2429	Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác	0.63%	84.25%
44	–	O	3430	Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ	0.62%	84.86%
45	–	–	2891	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại	0.62%	85.48%
46	–	O	1544	Sản xuất các sản phẩm khác từ bột	0.61%	86.09%
47	O	O	3110	Sản xuất mô tô, máy phát và biến thế điện	0.60%	86.70%
48	–	O	2511	Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su	0.60%	87.30%
49	O	O	2109	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa	0.59%	87.89%
50	–	–	2692	Sản xuất các sản phẩm gốm, sứ và vật liệu chịu lửa	0.57%	88.46%
51	–	O	2691	Sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa	0.42%	88.88%
52	–	–	1912	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sxyên đệm	0.40%	89.28%
53	–	–	1729	Sản xuất hàng dệt khác	0.39%	89.67%
54	O	O	2610	Sản xuất thuỷ tinh và các sản phẩm từ thuỷ tinh	0.38%	90.05%
55	–	–	1513	Chế biến và bảo quản rau, quả	0.37%	90.42%
56	–	–	1532	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	0.37%	90.79%
57	–	–	1541	Sản xuất các loại bánh từ bột	0.36%	91.15%
58	–	–	3592	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	0.36%	91.52%
59	–	–	2010	Cưa, xẻ và bào gỗ	0.35%	91.86%
60	O	–	2211	Xuất bản sách	0.32%	92.18%
61	–	–	1543	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt, kẹo	0.31%	92.49%
62	–	–	3120	Sản xuất thiết bị phân phối điện	0.31%	92.80%
63	–	–	1511	Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt	0.31%	93.10%

Nguồn: TCTK

3.1.2.3 Các sản phẩm điều tra

(1) Nguyên tắc cơ bản trong lựa chọn các sản phẩm điều tra

1) Nguyên tắc lựa chọn

Rất nhiều cuộc điều tra thống kê khác cũng được thực hiện và sử dụng "Danh mục sản phẩm công nghiệp". Danh mục này có tổng số 893 sản phẩm được Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng sử dụng (bao gồm 837 sản phẩm trong ngành Công nghiệp chế biến, phân theo mã ngành cấp 5). Danh mục sản phẩm công nghiệp được biên soạn và cập nhật theo Hệ thống điều hoà (HS), kết hợp với các danh mục do các Bộ và các tổ chức khác sử dụng.Vì vậy, một số vấn đề có liên quan đến danh mục bao gồm:

- Mức độ phân loại không đồng nhất, một số ngành được phân loại rất cụ thể trong khi một số ngành khác chỉ được phân loại chung chung.
- Các sản phẩm được liệt kê không có định nghĩa hoặc giải thích chi tiết, gây khó hiểu cho Điều tra viên.
- Mặc dù có danh mục so sánh giữa Danh mục sản phẩm công nghiệp và mã VSIC nhưng danh mục này không được điều chỉnh, cập nhật (danh mục gần đây nhất ban hành vào năm 1998 "Danh mục ngành công nghiệp Việt Nam" – Áp dụng cho các cuộc điều tra công nghiệp, ngày 01 tháng 07 năm 1998) nên rất khó sử dụng để so sánh quốc tế.
- Các Vụ khác tại TCTK không sử dụng Danh mục sản phẩm công nghiệp vào các mục đích phân tích dữ liệu và báo cáo nên không thể so sánh các dữ liệu với nhau.

Với các vấn đề trên, danh mục sản phẩm mới đã được lập cho các cuộc Điều tra thử dựa trên Phân ngành công nghiệp chuẩn quốc tế và tình hình sản xuất hiện tại của Việt Nam.

Kết quả là, số sản phẩm được điều tra trong Điều tra thử 1 là 213 sản phẩm thuộc 40 ngành công nghiệp.

2) Lựa chọn sản phẩm trong Điều tra thử 2

Mặc dù có 9 ngành được bổ sung trong Điều tra thử 2, danh mục sản phẩm của 39 ngành trước đó vẫn tương tự như Điều tra thử 1. Dựa vào kết quả phân tích "Sản phẩm khác" trong phiếu điều tra của Điều tra thử lần 1, một số sản phẩm quan trọng đã được bổ sung vào danh mục sản phẩm áp dụng cho Điều tra thử lần 2. (Tham khảo hình 3-4 để xem xét quy trình lựa chọn). Kết quả, số sản phẩm cho Điều tra thử 2 tăng lên tới 524 sản phẩm trong 48 ngành. Cần chú ý rằng một trong những mục tiêu của các cuộc Điều tra thử là càng tìm hiểu được nhiều sản phẩm sản xuất tại Việt Nam càng tốt. Trong quá trình chuẩn bị phiếu điều tra để thực hiện kế hoạch cơ bản, những sản phẩm không được báo cáo sản xuất trong hai cuộc Điều tra thử sẽ bị loại ra khỏi danh mục sau khi phân tích số liệu sản xuất của 524 sản phẩm.

3) Áp dụng đơn vị tính

Đơn vị đo lường cho từng sản phẩm được áp dụng dựa trên cơ sở các điều kiện sản xuất chung như trọng lượng, dung lượng, khối lượng và số lượng. Do điều tra thống kê dựa trên sản phẩm chưa được tiến hành tại Việt Nam nên các đơn vị tính sẽ được điều chỉnh trong các cuộc Điều tra thử và Điều tra tiền trạm.

Hình 3-4 Quy trình lựa chọn các sản phẩm mục tiêu trong Điều tra thử 2

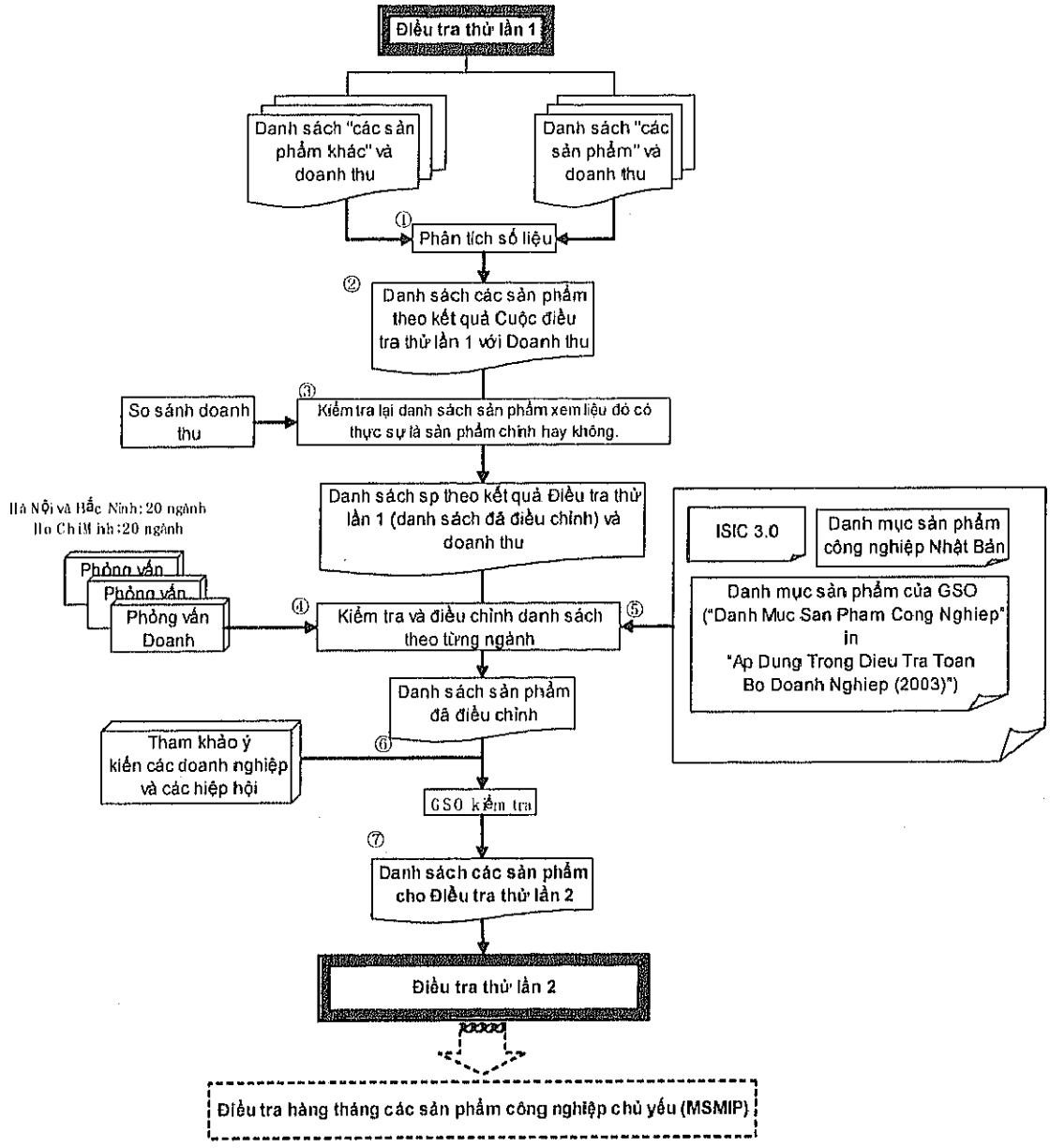

3.1.2.4 Các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra

(1) Nguyên tắc cơ bản của việc lựa chọn các doanh nghiệp/cơ sở kinh tế điều tra

1) Đơn vị điều tra

Điều tra sản xuất thường xuyên nên được tiến hành với đơn vị là các cơ sở kinh tế. Tuy nhiên, các cuộc điều tra của TCTK thường lấy doanh nghiệp là đơn vị điều tra và dữ liệu về các cơ sở kinh tế lại rất hạn chế. Vì vậy, TCTK đã nhất trí lấy doanh nghiệp là đơn vị điều tra trong Điều tra thử 1 do không đủ thời gian để xây dựng danh sách cơ sở kinh tế. Ngược lại, Điều tra thử 2 lại được thực hiện dựa trên danh sách cơ sở kinh tế đã được lập bằng cách lấy danh sách các doanh nghiệp mục tiêu từ cơ sở dữ liệu và kiểm tra xem những doanh nghiệp này có các cơ sở kinh tế trực thuộc hay không. Công việc kiểm tra do TCTK thực hiện.

2) Lựa chọn các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra

Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng thường cập nhật danh sách doanh nghiệp hàng năm. Danh sách này đã được sử dụng để lựa chọn các doanh nghiệp mục tiêu cho các cuộc Điều tra thử. Theo hướng dẫn của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, các nguồn số liệu lấy từ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp là rất tối thiểu để đảm bảo tính bảo mật. Cụ thể, những nguồn số liệu dưới đây được lấy từ cơ sở dữ liệu của TCTK được cập nhật trong Điều tra Doanh nghiệp gần đây nhất (2003 và 2004) nhằm mục đích lựa chọn các doanh nghiệp điều tra và phát triển một danh sách doanh nghiệp.

- Tên doanh nghiệp
- Địa chỉ
- Số điện thoại
- Mã vùng (Tỉnh, Huyện, Xã)
- Mã VSIC (cấp 4)
- Mã số thuế
- Mã loại hình doanh nghiệp
- Giá trị sản xuất

Dựa trên các số liệu này, các doanh nghiệp mục tiêu của Điều tra thử 1 đã được lựa chọn từ bước ① đến ⑥, và các cơ sở kinh tế mục tiêu trong Điều tra thử 2 được lựa chọn theo các bước từ ① đến ⑨. Biểu đồ mô tả như ở trong Hình 3-5.

Hình 3-5 Biểu đồ mô tả việc lựa chọn Doanh nghiệp/Cơ sở kinh tế mục tiêu cho các cuộc Điều tra thử

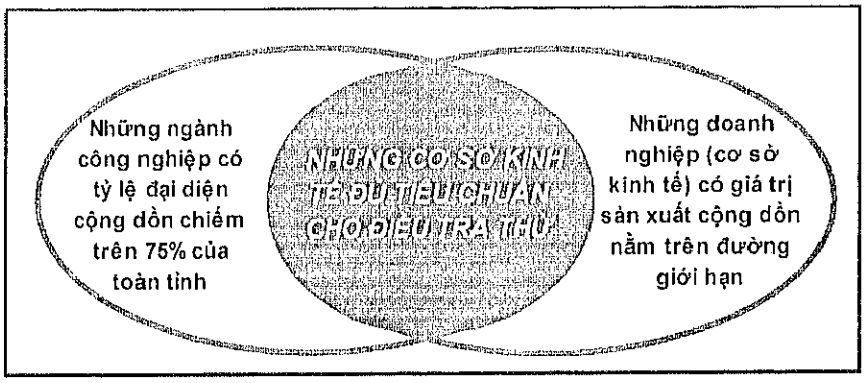

Điều tra thử 2

Điều tra thử 1

① Lựa chọn doanh nghiệp theo loại hình doanh nghiệp như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn ĐTNN và doanh nghiệp ngoài quốc doanh trừ các hộ kinh doanh cá thể.

② Sắp xếp giá trị sản xuất của doanh nghiệp trong từng ngành theo từng địa bàn điều tra

③ Tính toán tỷ trọng giá trị sản xuất từ các doanh nghiệp có tỷ trọng lớn nhất trong từng ngành

④ Lựa chọn các doanh nghiệp nằm trong nhóm có tỷ trọng cộng dồn chiếm từ 75% giá trị sản xuất trở lên trong mỗi ngành (tỷ trọng này được điều chỉnh cho mỗi ngành)

⑤ Xác nhận và điều chỉnh phân ngành VSIC, loại hình doanh nghiệp và tỷ trọng của trong danh sách doanh nghiệp được lựa chọn.

⑥ Kiểm tra lần cuối theo số liệu mới nhất của Cục TK (những doanh nghiệp không hoạt động, chuyển đi nơi khác, vv)

⑦ Lập danh sách cơ sở kinh tế bằng cách bổ sung các chỉ tiêu cần thiết (như tên sản phẩm chính) vào danh sách doanh nghiệp và xác định sự tồn tại của cơ sở kinh tế trực thuộc mỗi doanh nghiệp.

⑧ Chốt lại danh sách cơ sở kinh tế và gửi cho TCTK

⑨ Tất cả các danh sách được gửi từ 9 Cục TK sẽ được TCTK kết hợp lại và điều chỉnh số cơ sở kinh tế điều tra lên tới 2000 trong Điều tra thử 2 nếu cần

Sự tồn tại của các cơ sở kinh tế cần được xác nhận sau khi lựa chọn các doanh nghiệp mục tiêu từ cơ sở dữ liệu của TCTK cho Điều tra thử 2. Vì vậy, các chỉ tiêu lựa chọn đã được thảo luận trong quá trình lựa chọn. Về cơ bản, một cơ sở kinh tế đáp ứng các yêu cầu dưới đây được lựa chọn để điều tra. Nếu không, chính doanh nghiệp mà cơ sở kinh tế trực thuộc sẽ là đơn vị điều tra.

- Hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến (nhà máy), có địa điểm cố định, có hoạt động sản xuất với sự tham gia của lao động và công cụ lao động ít nhất ba tháng trong một năm.
- Có hệ thống kế toán riêng (nhìn chung, một công ty thường có một cơ sở kinh tế (nhà máy). Trong trường hợp có nhiều hơn hai cơ sở kinh tế và những cơ sở này hạch toán riêng, chúng sẽ là các đơn vị điều tra).

Điều tra thử 2 sẽ lựa chọn các cơ sở kinh tế trong trường hợp 1 và 2 của Hình 3-6. Trường hợp 3 và 4 sẽ được bổ sung.

Hình 3-6 Khái niệm Cơ sở kinh tế mục tiêu trong Điều tra thử lần 2

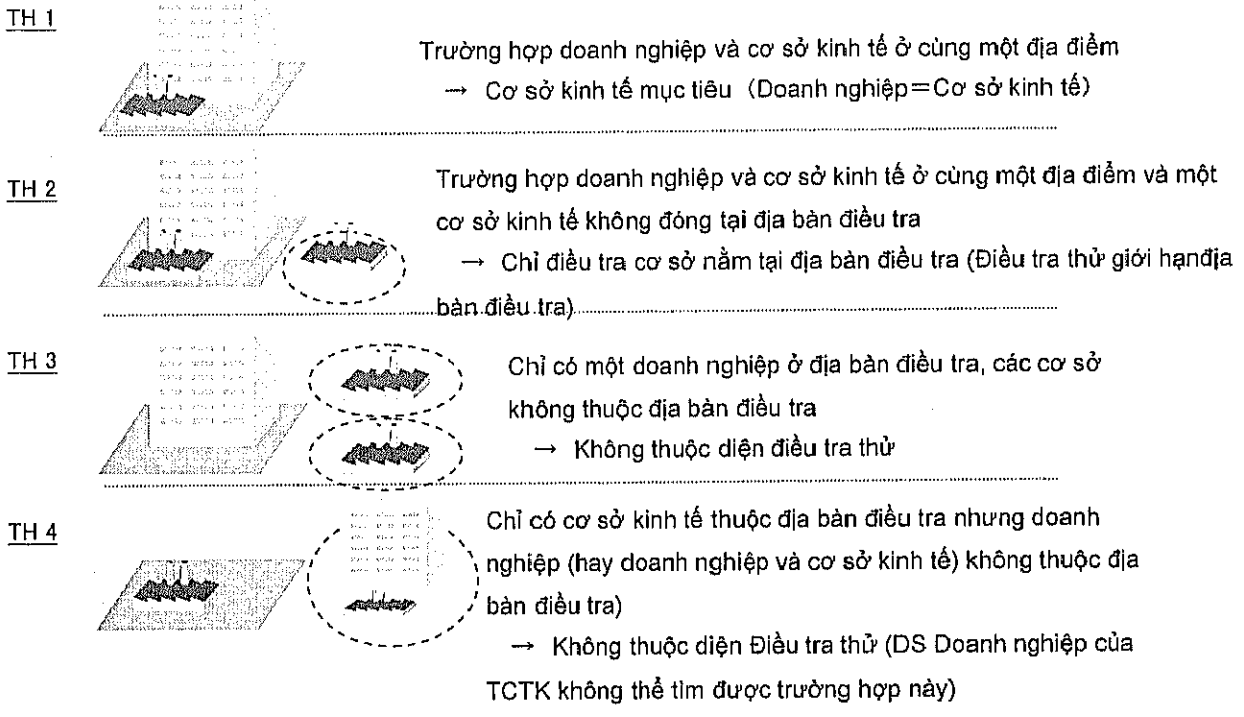

Cuối cùng, 500 doanh nghiệp đã được lựa chọn cho Điều tra thử 1 và 1.927 cơ sở kinh tế được lựa chọn cho Điều tra thử 2. Số doanh nghiệp/cơ sở kinh tế điều tra theo ngành công nghiệp và theo tỉnh được thể hiện trong Bảng 3-3.

Bảng 3-3 Số Doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) mục tiêu trong các cuộc Điều tra thử

VSIC	Trial Survey 1				Trial Survey 2									
	Tổng 3 tỉnh	Hà Nội	Bình Dương	TP Hồ Chí Minh	Tổng 9 tỉnh	Hà Nội	Hải Phòng	Vĩnh Phúc	Bắc Ninh	Thanh Hoá	Đà Nẵng	Đồng Nai	Bình Dương	TP Hồ Chí Minh
TOTAL	500	175	65	260	1927	350	200	66	135	120	176	187	292	401
1512	22	4	—	18	56	3	12	—	—	6	11	2	5	17
1514	1			1	5	—	—	3	—	—	—	1	—	1
1520	1	—	—	1	4	1	—	—	—	—	—	—	2	1
1531	3			3	12	0	—	—	2	—	—	—	7	3
1533	9	8	1	—	34	11	3	2	1	3	4	6	4	0
1542	0				7	—	—	—	—	3	—	2	1	1
1544	0	—	—	—	5	—	—	—	—	—	—	1	—	4
1549	0				47	9	4	2	1	1	1	4	13	12
1553	7	3	2	2	19	4	6	2	2	1	2	1	—	1
1554	3			3	28	11	—	2	—	2	3	2	5	3
1600	5	2	1	2	9	1	2	—	1	1	1	1	—	2
1711	14	4		10	50	8	1	4	4	1	8	6	8	10
1810	68	18	2	48	142	26	20	5	4	8	10	11	12	46
1920	13	5		8	65	7	22	2	—	2	3	6	15	8
2029	0	—	—	—	93	11	—	1	—	13	7	9	33	19
2101	9		9		84	6	4	—	40	6	9	—	5	14
2102	20	—	—	20	60	—	10	1	2	2	12	3	12	18
2109	26	13	13		34	14	3	—	3	2	6	2	3	1
2211	2	2	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—	—
2221	28	14	—	14	50	16	4	1	—	8	5	1	—	15
2412	2	—	—	2	15	1	—	—	—	7	2	1	3	1
2422	0	—	—	—	32	5	2	—	1	—	—	5	14	5
2423	18	6	—	12	35	6	1	2	1	—	2	6	6	11
2424	2	—	—	2	17	2	4	1	—	—	—	4	4	2
2429	4	4	—	—	22	4	2	1	1	—	1	4	9	0
2511	0	—	—	—	6	—	—	1	—	—	1	1	—	3
2519	10	—	—	10	49	8	5	—	—	—	—	7	—	29
2520	78	27	—	51	154	40	14	3	2	5	11	10	20	49
2610	2	—	2	—	16	4	3	1	2	1	1	—	—	4
2691	0	—	—	—	33	1	—	—	1	1	—	2	28	0
2693	6	6	—	—	79	9	4	14	3	14	7	15	11	2
2694	3	1	—	2	15	—	5	—	—	3	2	1	2	2
2695	7	7	—	—	40	13	3	3	1	3	4	3	—	10
2710	14	6	5	3	63	10	15	1	8	2	17	2	4	4
2811	9	9	—	—	86	13	4	—	6	7	16	8	1	31
2899	32	—	12	20	100	31	9	2	13	3	9	5	10	18
2930	0	—	—	—	22	7	2	—	1	2	—	1	2	7
*3000	1	1	—	—	12	1	3	—	—	—	—	3	1	4
3110	3	3	—	—	9	4	—	—	1	—	—	3	—	1
3130	6	4	—	2	16	7	4	—	—	—	—	3	—	2
3190	7	5	—	2	18	6	1	—	2	1	2	2	2	2
3210	4	4	—	—	15	3	1	1	—	—	—	1	4	5
3220	2	—	—	2	6	3	—	—	—	—	—	2	—	1
3230	9	4	—	5	11	4	1	—	—	—	—	1	—	5
3410	7	4	—	3	16	7	2	1	—	1	—	1	1	3
3430	0	—	—	—	24	3	—	1	1	—	—	12	—	7
3511	5	—	—	5	25	—	16	—	1	3	1	—	—	4
3591	11	11	—	—	29	14	5	1	—	—	3	2	—	4
3610	27	—	18	9	158	16	3	8	30	8	15	24	45	9

Note: "3000" is equivalent to "3010" in Tiral Survey 1

3.1.3 Hệ thống điều tra và phương pháp luận

3.1.3.1 Hệ thống thực hiện điều tra

(1) Hệ thống thực hiện các cuộc Điều tra thử

Các cuộc Điều tra thử được một cơ quan trong nước thực hiện dưới sự uỷ thác của Nhóm Nghiên cứu JICA. Nhiều đơn vị trong đó có cả một công ty nghiên cứu tư nhân đã được xem xét và đánh giá. Trong quá trình đánh giá, một tiêu chí cần cân nhắc là điều tra thống kê sản xuất thường xuyên được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK nên hệ thống điều tra hiện nay của TCTK cần được phân tích và đánh giá như một phần của Kế hoạch phát triển. Với những nhân tố đó, Nhóm Nghiên cứu quyết định thuê Viện Khoa học Thống kê (SSI), một đơn vị nghiên cứu độc lập thuộc TCTK, tiến hành các cuộc Điều tra thử có sử dụng hệ thống điều tra thống kê của TCTK bao gồm các Cục Thống kê và các Phòng TK (Hình 3-7). Như đã trình bày trên đây, vai trò của Viện Khoa học Thống kê là giám sát các đơn vị thực hiện điều tra của TCTK. Các đơn vị trực tiếp thực hiện cuộc điều tra bao gồm TCTK và các Phòng TK dưới sự hỗ trợ của Nhóm Nghiên cứu JICA.

Hình 3-7 Cơ cấu thực hiện Điều tra thử

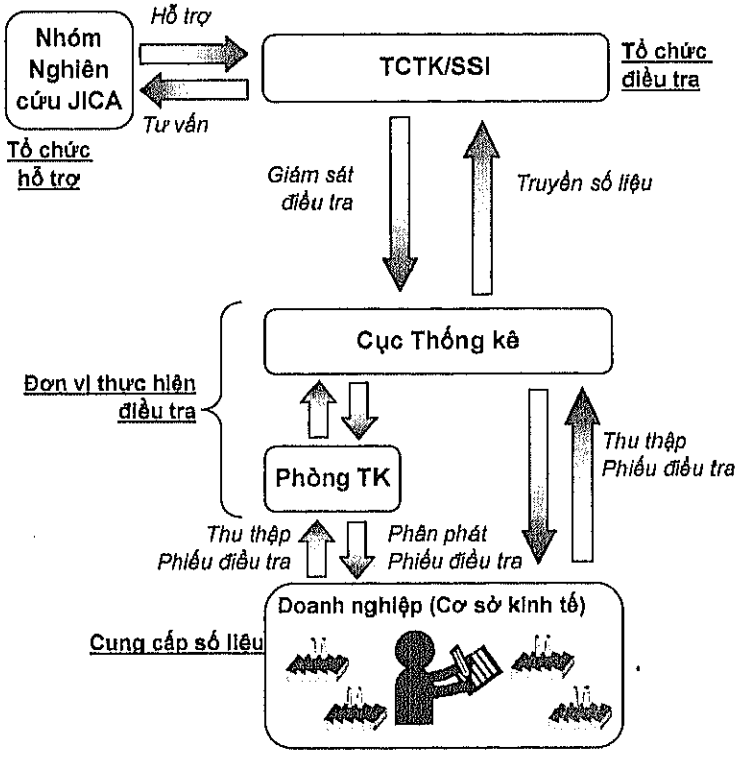

3.1.3.2 Lịch trình thực hiện

(1) Kỳ thực hiện Điều tra thử

Điều tra thử lần 1 và 2 được tiến hành trong vòng ba tháng của năm 2004 và 2005 với mỗi tháng là một kỳ điều tra. Vì vậy, giai đoạn thu thập phiếu điều tra là ba tháng từ tháng 11 năm 2004 đến tháng 1 năm 2005 và từ tháng 11 năm 2005 đến tháng 1 năm 2006.

Vì các cơ quan Chính phủ và các doanh nghiệp đều không hoạt động trong dịp Tết khoảng một tuần (Năm mới của Việt Nam) từ cuối tháng 1 đến đầu tháng 2 nên việc thực hiện các hoạt động điều tra và thu thập số liệu theo chuỗi thời gian ở giai đoạn này gặp khó khăn. Do đó, lịch trình điều tra để kết thúc việc thu thập phiếu điều tra được ấn định vào cuối tháng 1 (Bảng 3-4)

Tháng báo cáo là tháng theo niên lịch, bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng đến ngày cuối cùng của tháng.

Bảng 3-4 Giai đoạn thực hiện Điều tra thử

Điều tra thử 1			Điều tra thử 2		
Tháng báo cáo		Tháng thu thập	Tháng báo cáo		Tháng thu thập
Tháng 10 năm 2004	➪	Tháng 11 năm 2004	Tháng 10 năm 2005	➪	Tháng 11 năm 2005
Tháng 11 năm 2004	➪	Tháng 12 năm 2004	Tháng 11 năm 2005	➪	Tháng 12 năm 2005
Tháng 12 năm 2004	➪	Tháng 1 năm 2005	Tháng 12 năm 2005	➪	Tháng 1 năm 2006

(2) Tiến trình công việc chung cho các cuộc Điều tra thử

Điều tra thử được thực hiện theo tiến trình dưới đây, từ chuẩn bị đến thực hiện và phân tích kết quả. Tiến trình này được lập dài hơn giai đoạn điều tra thự tế như mô trả trong hình vẽ sau (Hình 3-8).

Hình 3-8 Tiến trình Điều tra thử

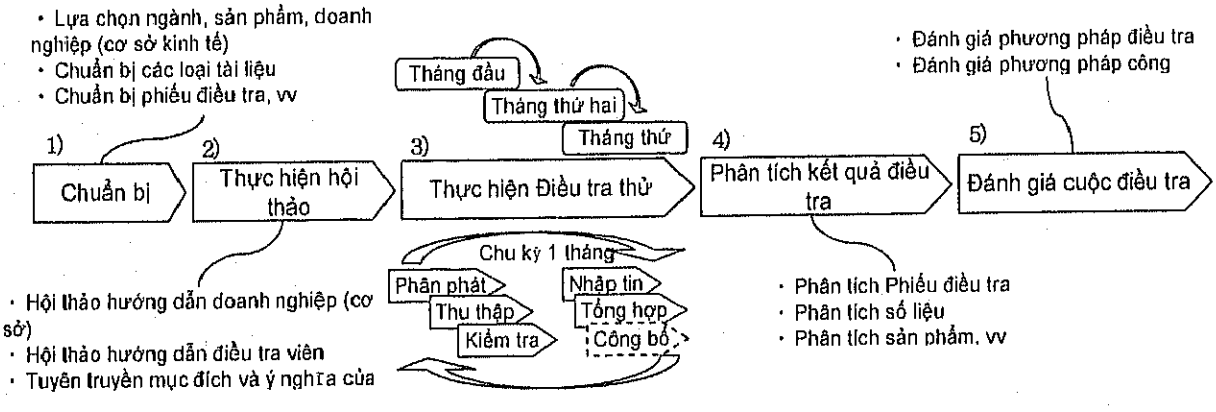

1) Chuẩn bị

Quá trình chuẩn bị cho các cuộc Điều tra thử bao gồm các công việc như in ấn phiếu điều tra và tài liệu hướng dẫn cũng như tổ chức các cuộc hội thảo hướng dẫn điều tra viên và doanh nghiệp điều tra.

Công việc chuẩn bị cũng bao gồm lựa chọn các ngành, địa bàn, sản phẩm, doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra cũng như thiết kế và hướng dẫn điều tra (cho các điều tra viên và hướng dẫn nhập tin).

Nhóm Nghiên cứu đã thảo luận với các Cục TK về lịch trình công việc vào khoảng cuối tháng 8 và TCTK đã gửi công văn trực tiếp cho từng Cục TK vào giữa tháng 9. Các cuộc hội thảo hướng dẫn điều tra viên được tổ chức vào tháng 9 tại các Cục TK các tỉnh, thành phố điều tra. Các cuộc hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp được tổ chức vào tháng 9 và tháng 10.

2) Thực hiện các cuộc hội thảo hướng dẫn

(a) Các cuộc hội thảo hướng dẫn điều tra viên Cục Thống kê và Phòng TK

Các cuộc hội thảo được tổ chức tại mỗi Cục TK dưới hình thức hội nghị chuyên đề bằng cách trình bày hướng dẫn thực hiện, phiếu điều tra và các tài liệu do Nhóm Nghiên cứu soạn thảo. Mục tiêu của cuộc hội thảo là giải thích khái niệm và sự cần thiết của thống kê sản xuất thường xuyên cũng như phương pháp thực hiện điều tra cho các điều tra viên để cùng chia sẻ những kinh nghiệm và kiến thức với các điều tra viên của Cục TK và Phòng TK tại các địa bàn điều tra.

(b) Các cuộc hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra

Mục tiêu của các cuộc hội thảo là giải thích tầm quan trọng và ý nghĩa cũng như giá trị của số liệu thu được từ điều tra thống kê sản xuất thường xuyên cho các đại diện của doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra để giúp họ hiểu rõ về phương pháp mới. Đồng thời, hướng dẫn chi tiết về quy trình nhập tin cũng được thực hiện. Các cuộc hội thảo được tổ chức cùng thời gian với các cuộc hội thảo hướng dẫn điều tra viên hoặc tổ chức vào tháng sau đó. Trong các cuộc hội thảo, tài liệu hướng dẫn thực hiện, phiếu điều tra và tài liệu hướng dẫn do Nhóm Nghiên cứu soạn thảo đã được sử dụng.

Chi tiết về các cuộc hội thảo trên được trình bày chi tiết ở Chương 4.

3.1.3.3 Thực hiện các cuộc Điều tra thử

(1) Phân phát phiếu điều tra

Các điều tra viên Cục TK và Phòng TK bắt đầu phân phát phiếu điều tra từ ngày 21 của tháng báo cáo (ngày 21 tháng 10 trong tháng đầu tiên) bằng cách trực tiếp đến doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) có tên trong danh sách điều tra chính thức (chú ý rằng các phiếu điều tra được phân phát hàng tháng trong quá trình điều tra để đề phòng mất mát nhưng cũng có thể phân phát một lúc ba phiếu điều tra theo yêu cầu của doanh nghiệp). Khi gặp gỡ doanh nghiệp, điều

tra viên sẽ giải thích về Điều tra thử và mục tiêu của nó, thuyết phục sự hợp tác và giải thích quy trình ghi phiếu. Đồng thời, hạn nộp phiếu điều tra cũng được thông báo rõ.

(2) Thu thập Phiếu điều tra

Phiếu điều tra được điều tra viên Cục TK và Phòng TK thu thập bằng cách đến trực tiếp hoặc doanh nghiệp có thể nộp bằng bản fax hoặc email trong trường hợp ngoại lệ. Dưới đây là những nguyên tắc thu thập phiếu điều tra

1) Điều tra viên kiểm tra lại phiếu điều tra đã điền sau khi nhận được để xem phiếu đã được điền đầy đủ và chính xác chưa.
2) Nếu các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra không thể nộp phiếu đúng hạn, điều tra viên Cục TK hoặc Phòng TK sẽ liên hệ với đại diện của doanh nghiệp để yêu cầu nộp đúng hạn và thông báo với người phụ trách doanh nghiệp về việc chậm trễ.
3) Việc nhắc nhở được thực hiện hai ngày trước hạn nộp phiếu mặc dù mỗi Cục TK và Phòng TK tự đưa ra hạn cho địa bàn mình.
4) Liên thứ ba của Phiếu điều tra (bản màu vàng) được doanh nghiệp giữ lại còn liên thứ nhất và liên thứ hai nộp cho điều tra viên. Liên thứ nhất sẽ được Cục TK giữ lại, còn liên thứ hai gửi lên cho TCTK (Xem Hình 3-9).

Các nguyên tắc trên sẽ được áp dụng trong điều tra chính thức (sau khi thể chế hóa) nhưng phiếu điều tra gồm ba liên sẽ được thay thế bằng phiếu điều tra một liên do một số bất tiện khi sử dụng loại phiếu này trong các cuộc Điều tra thử.

Hình 3-9 Chu kỳ thu thập Phiếu điều tra (Ví dụ)

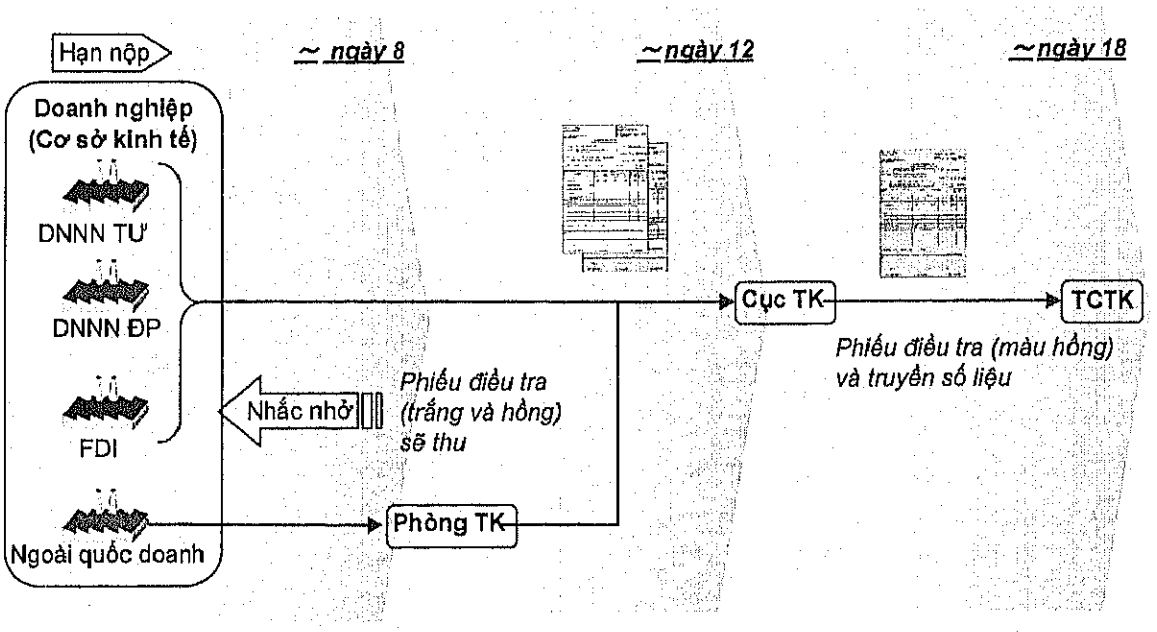

(3) Kiểm tra Phiếu điều tra đã thu thập

Như đã đề cập ở phần trên, điều tra viên đã kiểm tra phiếu điều tra theo tài liệu hướng dẫn và thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu bằng cách xác nhận với doanh nghiệp. Sau đó, phiếu điều tra lại được các điều tra viên khác hoặc người chịu trách nhiệm nhập tin kiểm tra tại Cục TK hoặc Phòng TK kiểm tra lần nữa. Những chỉ tiêu dưới đây được kiểm tra.

1) Thông tin cơ bản

Thông tin về các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) điều tra bao gồm tên doanh nghiệp (cơ sở), địa chỉ, mã số thuế, loại hình doanh nghiệp, số điện thoại, tên người liên hệ, tháng báo cáo. Những thông tin này rất cần thiết để cập nhật danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và cần được kiểm tra để phát hiện những thay đổi.

2) Sự cân bằng giữa các số liệu điền vào

Các số liệu điền cho từng chỉ tiêu điều tra về thông tin sản phẩm cần được kiểm tra để đảm bảo logic số liệu và sự cân bằng giữa những chỉ tiêu cơ bản (sản xuất, xuất kho, tiêu thụ nội bộ, tồn kho, vv...)

3) Đơn vị

Những đơn vị được nhập không chính xác như sử dụng sai đơn vị tính (ví dụ: "tấn" thay cho "kg" hay không dùng "triệu đồng" khi điền trị giá hàng xuất kho)

4) Hệ thống ghi số

Một số chỉ tiêu yêu cầu điền số liệu có số thập phân bằng cách làm tròn chữ số thứ hai sau dấu thập phân và tất cả các chỉ tiêu được kiểm tra xem đã tuân thủ nguyên tắc đó chưa. Đồng thời, những chỉ tiêu sử dụng lẫn lộn dấu chấm và dấu phẩy khi biểu hiện số thập phân cũng được kiểm tra (sự khác biệt giữa cách dùng dấu "," và dấu "." giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài).

5) Sản phẩm khác

Việc điền sai sản phẩm khác cũng sẽ được kiểm tra. Ví dụ: một sản phẩm được in sẵn trong phiếu lại bị điền vào mục sản phẩm khác hay sản phẩm khác có thuộc ngành điều tra theo phiếu hay không.

Những nguyên tắc kiểm tra nói trên sẽ được áp dụng trong điều tra chính thức (sau khi thể chế hóa).

(4) Nhập dữ liệu (được tiến hành từ ngày 14 đến ngày 17 của tháng sau tháng báo cáo)

Tất cả các phiếu điều tra sẽ được chuyển lên Cục TK và nhập tin ở đây. Các điều tra tại Phòng TK không tham gia vào quá trình nhập tin. Các phiếu điều tra sẽ được nhân viên Cục TK (nhân viên nhập tin hoặc điều tra viên) nhập tin sau khi đã kiểm tra giống như nhập tin cho

Điều tra Chọn mẫu Công nghiệp hàng tháng hiện nay. Số liệu nhập tin sẽ được truyền lên TCTK vào một ngày nhất định (ngày 17 hay 18 hàng tháng). Đặc tính và chức năng cơ bản của phần mềm nhập tin và hệ thống được mô tả khái quát dưới đây (tham khảo Chương 6 để biết thêm thông tin).

1) Phần mềm xử lý dữ liệu

Theo kết quả thảo luận giữa TCTK và Nhóm Nghiên cứu JICA, Visual FoxPro được quyết định sẽ sử dụng để phát triển hệ thống xử lý dữ liệu cho các cuộc Điều tra thử. Visual FoxPro là chương trình phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được sử dụng rộng rãi tại TCTK và các Cục TK và nhân viên của TCTK rất quen thuộc với phần mềm này. Cụ thể, chương trình phần mềm được cài đặt trước với danh sách doanh nghiệp cho Điều tra thử 1 (bao gồm số liệu từ Điều tra Doanh nghiệp mới nhất như địa chỉ, số điện thoại), danh mục sản phẩm, mã vùng và hỗ trợ người thao tác nhanh chóng tìm kiếm doanh nghiệp. Ngoài ra, Visual FoxPro có các chức năng in và trợ giúp (hiển thị hướng dẫn nhập tin).

2) Tự động kiểm tra số liệu nhập tin

Phần mềm nhập tin có thể thực hiện chức năng tự động kiểm tra lỗi. Chức năng này sẽ kiểm tra các lỗi liên quan đến các số liệu điền trong phiếu điều tra của các doanh nghiệp điều tra cũng như lỗi nhập tin tại Cục TK. Cụ thể, phần mềm có thể tìm ra và phát hiện những lỗi bất thường sau

1. Cân bằng tồn kho: Khi khối lượng sản xuất gấp đôi hay không bằng một nửa tổng khối lượng xuất kho và tồn kho
2. So sánh với kỳ trước: Khi khối lượng sản xuất hay xuất kho của kỳ báo cáo vượt quá ba lần so với kỳ trước.
3. Kiểm tra giá: Khi giá xuất kho của một sản phẩm (trị giá hàng xuất kho/khối lượng xuất kho) của một cơ sở kinh tế vượt quá hai lần so với giá xuất kho của một sản phẩm tương tự được sản xuất bởi một cơ sở kinh tế khác.
4. Kiểm tra các ô trống: Khi bất kỳ một chỉ tiêu nào bao gồm khối lượng sản xuất, xuất kho, tồn kho, tiêu thụ nội bộ hay dự kiến sản xuất tháng tiếp theo bị bỏ trống.

(5) Tổng hợp và công bố số liệu (trước hoặc vào ngày 25 của tháng sau tháng báo cáo)

Số liệu được chuyển từ mỗi Cục TK lên TCTK sẽ được tổng hợp và phân tích kịp thời tại Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng. Việc công bố sẽ chỉ được thực hiện trên trang Web của TCTK và được TCTK tổng hợp. Một trong những mục tiêu cơ bản của các cuộc điều tra thử là kiểm tra xem chu kỳ thực hiện trên có được tiến hành suôn sẻ hay không (Hình 3-10).

Hình 3-10 Chu trình thực hiện Điều tra thử

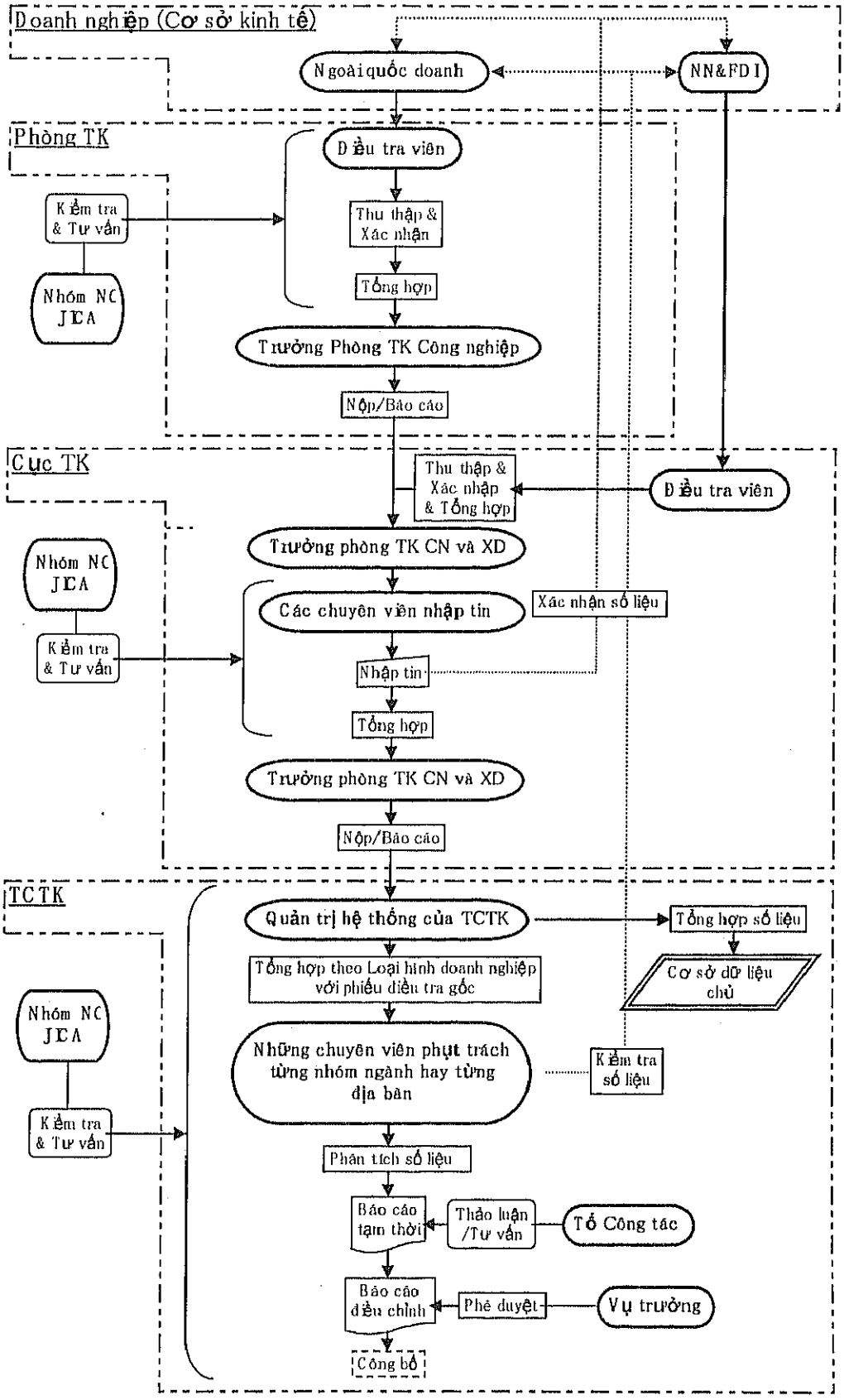

3.1.4 Các chỉ tiêu điều tra và Phiếu điều tra

3.1.4.1 Các chỉ tiêu điều tra và định nghĩa

(1) Các chỉ tiêu điều tra trong Điều tra thử

Trong khi cuộc điều tra hiện nay được thiết kế để tìm hiểu hoạt động của doanh nghiệp thì cuộc điều tra thống kê sản xuất thường xuyên bao gồm các cuộc Điều tra thử lại có mục tiêu cơ bản là tìm hiểu khối lượng sản xuất theo sản phẩm. Vì vậy, các cuộc Điều tra thử tập trung vào các thông tin sau

1) Các chỉ tiêu liên quan đến sản phẩm

Đối với từng sản phẩm, những thông tin dưới đây được thu thập

(a) Khối lượng sản phẩm sản xuất

Gồm khối lượng sản phẩm sản xuất thực tế hay chế biến tại doanh nghiệp và đã qua kiểm tra (không bao gồm các sản phẩm dở dang). Chỉ tiêu này bao gồm các sản phẩm được sản xuất trực tiếp bởi cơ sở kinh tế bằng nguyên vật liệu của cơ sở kinh tế và các sản phẩm nhận gia công cho các cơ sở kinh tế khác bằng nguyên vật liệu của các cơ sở kinh tế khác

(b) Khối lượng sản phẩm xuất kho

Chỉ tiêu này bao gồm khối lượng sản phẩm xuất kho thực tế từ sản phẩm do cơ sở kinh tế trực tiếp sản xuất (Không gồm xuất kho của những sản phẩm do cơ sở đem nguyên vật liệu đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác hay sản phẩm được tiêu thụ nội bộ).

(c) Khối lượng sản phẩm tiêu thụ nội bộ

Chỉ tiêu này là khối lượng thành phẩm được tiêu thụ trong nội bộ cơ sở kinh tế như nguyên liệu hay sản phẩm trung gian để sản xuất sản phẩm mới .

※ *Chỉ tiêu này không được điều tra trong Điều tra thử 1.*

(d) Khối lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ

Khối lượng tồn kho vào thời điểm cuối tháng báo cáo cho từng loại sản phẩm được liệt kê trong Phiếu điều tra, không bao gồm sản phẩm dở dang và sản phẩm đi gia công ở các cơ sở kinh tế khác. Chỉ tiêu này chỉ bao gồm thành phẩm trong kho của cơ sở kinh tế hoặc kho mà cơ sở kinh tế thuê.

(e) Giá trị hàng xuất kho bằng triệu đồng

Trị giá hàng xuất kho được tính bằng cách nhân khối lượng hàng xuất kho với đơn giá như trong các hoá đơn (không gồm thuế VAT) và được đổi sang triệu đồng.

※ *Điều tra thử 1 hỏi chỉ tiêu doanh thu thuần.*

(f) Tổng doanh thu thuần của sản phẩm

Tổng doanh thu thuần là tổng giá trị kinh tế (không bao gồm thuế) thu được từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo bao gồm: doanh thu từ bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất, doanh thu từ dịch vụ, doanh thu từ lãi suất, bản quyền, lợi tức. Chỉ tiêu này được phân tích cùng với chỉ tiêu doanh thu thuần để xác định các số liệu trong phiếu điều tra có chính xác hay không

※ *Chỉ tiêu này không được điều tra trong Điều tra thử 2.*

(g) Khối lượng sản phẩm sản xuất dự tính cho tháng tiếp theo

Khối lượng sản phẩm sản xuất ước tính cho tháng sau tháng báo cáo của từng sản phẩm trên cơ sở khối lượng sản xuất trong tháng báo cáo.

※ *Chỉ tiêu này không được điều tra trong Điều tra thử 1.*

(h) Chú thích

Phần này dùng để ghi những lý do cụ thể nếu đó là những nguyên nhân chính tạo ra sự biến động của các chỉ tiêu so với tháng trước

2) Những chỉ tiêu liên quan đến doanh nghiệp (cơ sở kinh tế)

Phiếu điều tra bao gồm cả các câu hỏi liên quan đến thông tin cơ bản của mỗi doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và những thông tin này được sử dụng để cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp như địa chỉ và các thông tin khác của doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) khi có sự thay đổi

- Tên Doanh nghiệp
- Mã số thuế
- Địa chỉ
- Loại hình doanh nghiệp (Nhà nước (Trung ương và địa phương), đầu tư nước ngoài, ngoài quốc doanh)
- Tên người điền phiếu (thường là kế toán)
- Số điện thoại
- Tháng báo cáo

3) Những chỉ tiêu liên quan đến Điều tra thử 1

Ngoài các chỉ tiêu nói trên, Điều tra thử cũng kiểm tra các doanh nghiệp nhận xét thế nào về Điều tra thử. Cụ thể là những thông tin sau:

- Thời gian cần thiết để điền phiếu (tính toán và điền vào phiếu điều tra)
- Độ khó dễ khi điền phiếu điều tra (cụ thể, chỉ tiêu tồn kho lần đầu tiên được điều tra)
- Mong muốn sử dụng số liệu thống kê sản xuất thường xuyên (như đối tượng dùng tin tiềm năng)

4) Các chỉ tiêu khác

Cuối cùng, phiếu điều tra cũng yêu cầu điền chữ ký của người liên hệ và đại diện của doanh nghiệp, ngày ký để đảm bảo họ có trách nhiệm về số liệu thống kê.

3.1.4.2 Phiếu điều tra trong các cuộc Điều tra thử

(1) Khái quát về Phiếu điều tra

Phiếu điều tra là một tờ đơn gồm hai mặt và được thiết kế cho từng ngành công nghiệp. Mặt trước của phiếu in các câu hỏi và các ô trống để doanh nghiệp điền vào. Mặt sau là hướng dẫn điền phiếu điều tra. Tổng cộng có 40 phiếu điều tra cho Điều tra thử 1 và 48 phiếu cho Điều tra thử 2 đã được in và sử dụng.

Phiếu điều tra được in bằng giấy các bon gồm ba liên trong đó: Cục TK (liên màu trắng), TCTK (liên màu hồng) và lưu tại doanh nghiệp (liên màu vàng) (Hình 3-11). Trước đây phiếu điều tra chưa bao giờ dùng giấy các bon.

Mặt trước

Mặt trước in "các câu hỏi về doanh nghiệp," "các câu hỏi về sản phẩm," "các câu hỏi về Điều tra thử" và "các câu hỏi khác". Doanh nghiệp chỉ phải trả lời các câu hỏi này ("các câu hỏi về Điều tra thử" chỉ sử dụng trong Điều tra thử 1).

Các cột về sản phẩm cũng được in sẵn với tên sản phẩm và các ô dành cho người điền phiếu điền những sản phẩm khác không có trong danh mục sản phẩm. Phần này cung cấp các thông tin hữu ích cho việc điều chỉnh danh mục sản phẩm sau khi kết thúc Điều tra thử.

Mặt sau

"Hướng dẫn điền phiếu điều tra" và "mô tả chi tiết về sản phẩm" được in ở mặt sau của phiếu điều tra (liên thứ 3) để hạn chế những lỗi nhập tin bằng cách cung cấp những thông tin bổ sung về sản phẩm mà doanh nghiệp sẽ báo cáo.

Hình 3-11 Phiếu điều tra cho Điều tra thử (Ví dụ về Phiếu của Điều tra thử 2)

Mặt trước

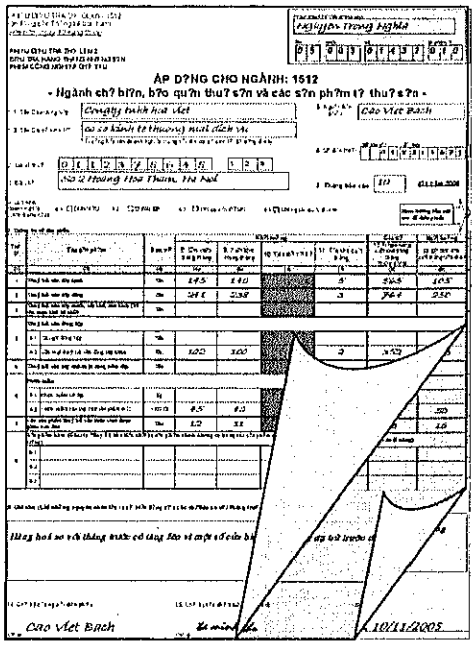

Mặt sau

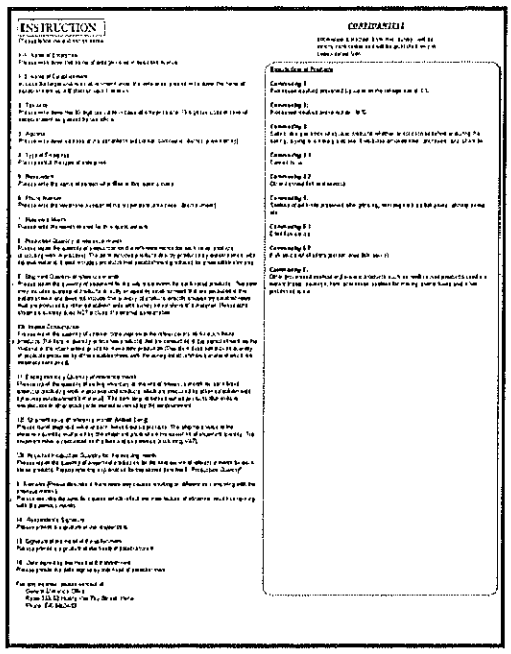

3.2 Phân tích kết quả của các cuộc Điều tra thử

3.2.1 Thu thập, kiểm tra và nhập tin

3.2.1.1 Phân tích kết quả thu thập phiếu điều tra

Cả Điều tra thử 1 và Điều tra thử 2 khoảng từ 90% đến 100% ở tất cả các tỉnh, thành phố điều tra. Kết quả này có lẽ do ưu điểm của chế độ báo cáo hiện đang áp dụng ở Việt Nam. Tuy nhiên, tỷ lệ trả lời phiếu cho đến hạn nộp phiếu nhìn chung là thấp và tỷ lệ này cũng khác biệt giữa các vùng địa lý (Bảng 3-5).

Bảng 3-5 Tỷ lệ trả lời phiếu (Ví dụ về Điều tra thử lần 2, trung bình của 3 tháng)

Đ ịa bàn	Số cơ sở kinh tế	Tỷ lệ thu hồi phiếu đ ến cho đ ến hạn nộp (ngày 12)	Tỷ lệ thu hồi phiếu cuối cùng (ngày 23)
Ha Noi	350	296 (84.7%)	349 (99.7%)
Hai Phong	200	147 (73.8%)	200 (100%)
Vinh Phuc	66	51 (77.3%)	66 (100%)
Bac Ninh	135	125 (92.8%)	135 (100%)
Thanh Hoa	119	103 (86.3%)	119 (100%)
Da Nang	176	73 (41.7%)	174 (98.7%)
Ho Chi Minh	400	296 (74.1%)	395 (98.8%)
Dong Nai	187	119 (63.5%)	187 (100%)
Binh Duong	292	139 (47.6%)	349 (99.7%)

Chú ý: Một số số liệu trên đây là ước tính

Tỷ lệ thu hồi phiếu thấp tính đến ngày yêu cầu nộp phiếu là do những nguyên nhân sau:

- Vì Điều tra thử được thực hiện song song với Điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện nay và các Cục TK ưu tiên cho cuộc điều tra hiện nay và chỉ tập trung thu phiếu sau khi kết thúc nhiệm vụ với điều tra hiện nay do các điều tra viên hiện nay đang phải chịu áp lực khối lượng công việc rất lớn.
- Nhìn chung, các công ty nước ngoài rất chậm trễ trong việc nộp phiếu do quy trình phê duyệt nội bộ chậm trễ hoặc các giám đốc nước ngoài không hiểu được sự cần thiết của các cuộc điều tra thống kê.
- Một số Cục TK nhầm lẫn hạn thu thập số liệu (ngày 12) và hạn truyền số liệu (ngày 18).
- Sự khác biệt về tỷ lệ thu hồi phiếu giữa các Cục TK do sự khác biệt trong khâu chuẩn bị. Ví dụ: có một Cục TK đã thu phiếu trước ngày nộp phiếu và đạt tỷ lệ thu hồi phiếu cao.

Ngoài những nguyên nhân trên, ngay cả cuộc Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng hiện nay cũng thường bị chậm vài ngày. Vì vậy, điều này là một vấn đề xảy ra từ các cuộc điều tra trước chứ không phải là vấn đề bắt đầu cho cuộc điều tra mới.

3.2.1.2 Phân tích các kết quả kiểm tra phiếu điều tra

Khi kiểm tra phiếu điều tra do các điều tra viên Cục TK và Phòng TK thu thập được cho các cuộc Điều tra thử, Nhóm Nghiên cứu JICA đã kiểm tra và phân tích các phiếu điều tra đã điền. Dưới đây là một số vấn đề đã phát hiện ra:

(1) Thông tin cơ bản

- Nhiều doanh nghiệp bỏ sót không điền mã số thuế.
- Nhiều phiếu điều tra không có địa chỉ hoặc số điện thoại.
- Tên của người điền phiếu bị bỏ sót.

Một số lỗi bỏ sót xảy ra là do những người điền phiếu được yêu cầu viết thông tin giống nhau cho từng tháng và một số điều tra viên cũng chấp nhận các lỗi bỏ sót thông tin cơ bản vì họ biết rất rõ về các doanh nghiệp điều tra.

(2) Các chỉ tiêu điều tra

Nhiều doanh nghiệp cho rằng điền phiếu điều tra không khó khăn gì vì các chỉ tiêu điều tra phần lớn được ghi chép trong hệ thống kế toán. Tuy nhiên, những vấn đề sau vẫn cần phải xem xét.

- Một số lượng tương đối lớn các phiếu điều tra không có số liệu tồn kho. Có thể điều này là do việc kiểm tra số liệu tồn kho hàng tháng là tương đối khó khăn đối với doanh nghiệp vì nhiều doanh nghiệp tiến hành kiểm kê tồn kho một hoặc hai lần trong một năm (Một số doanh nghiệp dường như đã viết những số liệu chưa chính xác và điều này đã dẫn đến số liệu tồn kho âm.).
- Tương tự, chỉ tiêu khối lượng dự tính sản xuất tháng tiếp theo cũng bị bỏ sót trong nhiều phiếu điều tra.

Nguyên nhân là do các doanh nghiệp chưa từng báo cáo chỉ tiêu khối lượng tồn kho cho các cơ quan thống kê.

(3) Sự cân bằng giữa các số liệu điền vào phiếu

Các lỗi bỏ sót và lỗi sai đã được kiểm tra cẩn thận. Trong quá trình kiểm tra, những vấn đề dưới đây đã được tìm ra:

- Trong khi số liệu về xuất kho được báo cáo là bằng "0" nhưng trị giá hàng xuất kho cho sản phẩm thì vẫn được báo cáo.
- Nhiều con số khó đọc vì viết tay không rõ ràng.
- Một số số liệu không chính xác do sự nhầm lẫn giữa dấu chấm và dấu phẩy của số thập phân hay để phân biệt hàng nghìn. (Ví dụ: khối lượng sản xuất được báo cáo bằng con số cực lớn)
- Nhiều số liệu bị bỏ sót trong các phiếu điều tra (ví dụ: chỉ số số liệu sản xuất được báo cáo).
- Số 0 được thể hiện bằng nhiều dạng bao gồm "-" và "0"

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp không điền các chỉ tiêu khối lượng tiêu thụ nội bộ hoặc "tồn kho cuối kỳ" hoặc chỉ điền "-" trong khi vẫn báo cáo chỉ tiêu khối lượng sản xuất và xuất kho. Mặc dù các cuộc hội thảo, cách sử dụng số "0" đã được nhấn mạnh để tránh những phiền phức trong quá trình kiểm tra lỗi nhưng khá nhiều doanh nghiệp vẫn không thực hiện tốt hướng dẫn này.

(4) Đơn vị

Rất nhiều doanh nghiệp điều tra đã đặt câu hỏi về đơn vị tính vì họ thường sử dụng những đơn vị tính khác để quản lý sản phẩm và giao dịch thương mại so với các đơn vị tính quy định trong phiếu điều tra.

- Một số trường hợp lẫn lộn giữa "tấn" và "kg" cũng như giữa "1.000 chiếc" và "chiếc" (những lỗi này được tìm thấy một cách rõ ràng từ đơn giá quá cao hoặc quá thấp).
- Những doanh nghiệp nhỏ phải sử dụng số thập phân nếu sử dụng đơn vị tính là "tấn" hay "triệu đồng". Điều này là đúng với thực tế đối với những sản phẩm được sản xuất với khối lượng nhỏ.
- Giá trị hàng xuất kho được mặc định báo cáo bằng "triệu đồng" nhưng một số trường hợp vẫn báo cáo là "đồng" hoặc "nghìn đồng".

Ví dụ về một số trường hợp sử dụng đơn vị tính khác trong quản lý sản phẩm và giao dịch thương mại so với đơn vị quy định trong phiếu điều tra như sau:

Bảng 3-6 Những đơn vị tính doanh nghiệp sử dụng

VSIC	Ngành	Đơn vị tính quy định trong phiếu điều tra	Đơn vị tính doanh nghiệp sử dụng
2423	Thuốc, hoá dược, vv.	1,000 ống	Lít
2424	Thuốc đánh răng	1,000 ống	Tấn
3130	Dây điện có bọc	Tấn	Km
3130	Dây cáp đồng trục và các loại dây dẫn khác	1,000 m	Tấn

Trong một số trường hợp, nhân viên TCTK phải quy đổi các số liệu được báo cáo bằng đơn vị tính khác sau khi đã kiểm tra phương pháp quy đổi với doanh nghiệp. Đồng thời, một số doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu lại báo cáo trị giá hàng xuất kho bằng đô la Mỹ. Những số liệu này đã được nhân viên Cục TK quy đổi sang đồng Việt Nam. Đây là do phương pháp Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng hiện nay được áp dụng trực tiếp.

(5) Hệ thống báo cáo con số

- Vị trí hay cách sử dụng dấu thập phân (ví dụ sử dụng dấu chấm và dấu phẩy) không thống nhất.

- Nguyên tắc giữ hai chữ số sau số thập phân không được tuân thủ và các doanh nghiệp thường để ba chữ số hoặc một chữ số (một số phiếu điều tra sử dụng các dấu thập phân khác nhau trong cùng một phiếu điều tra).

(6) Sản phẩm khác

Tỷ trọng của "các sản phẩm khác" là 14-18% tổng giá trị có tính đến sự biến đổi hàng tháng. Đối với các nội dung liên quan đến "Các sản phẩm khác", cần chú ý đến các điểm dưới đây.

1) Các sản phẩm được in trong phiếu điều tra lại bị báo cáo trong mục "Sản phẩm khác".

Bảng 3-7 thể hiện các ngành đã báo cáo những sản phẩm đã được in trong phiếu điều tra vào mục "Sản phẩm khác". Cụ thể, có nhiều trường hợp mà những người điền phiếu không đọc kỹ giải thích về sản phẩm và tên sản phẩm ở mặt sau và điền sản phẩm vào mục "Sản phẩm khác" mà không chú ý đến các sản phẩm bên trên.

Bảng 3-7 Các ngành chính với khối lượng lớn các sản phẩm khác

VSIC	Sản phẩm
1544	Mỳ ăn liền
1549	Thực phẩm khác
1810	May mặc
1920	Giày dép
2029	Đồ gỗ khác
2221	In
2519	Cao su khác

VSIC	Sản phẩm
2520	Chất dẻo
3110	Động cơ điện/máy phát điện
3130	Dây và cáp có bọc
3410	Xe có động cơ
3430	Phụ tùng xe có động cơ
3610	Đồ nội thất

2) Nhiều cơ sở kinh tế đã nhận được phiếu điều tra không đúng với ngành nghề hoạt động và họ chắc chắn đã phân loại sản phẩm của mình vào "Các sản phẩm khác".

Trong nhiều phiếu điều tra, các doanh nghiệp chỉ báo cáo cho phần "Sản phẩm khác" mà không báo cáo cho phần sản phẩm được in sẵn. Khi phân tích các phiếu điều tra trên mới phát hiện ra rằng các sản phẩm trong "Sản phẩm khác" không thuộc ngành mà họ nhận được phiếu điều tra. Đây là kết quả của việc phát nhầm phiếu điều tra. Để hạn chế tình trạng này, cần phải cập nhật tốt danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và cần phải phát cho doanh nghiệp phiếu điều tra phù hợp.

3) Những ngành khác chưa được phân vào đâu

Đối với những ngành được định nghĩa dưới dạng "những ngành sản xuất sản phẩm khác chưa được phân vào đâu (thường được mặc định là "***9" trong phân ngành VSIC cấp 4)", doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) thường không sản xuất những sản phẩm in trong phiếu điều tra vì phạm vi của ngành đó rất rộng. Vì vậy, việc xác định sản phẩm chính cho những ngành đó rất khó khăn nên việc lựa chọn những ngành đó cần được xem xét.

Vì vậy, chỉ có một số ít các cơ sở kinh tế điền phiếu đúng như hướng dẫn đã trình bày trong hội thảo doanh nghiệp mặc dù một phần là do sự khác biệt trong nguyên tắc điền phiếu giữa Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng và các cuộc Điều tra thử. Vì vậy, việc kiểm tra và hướng dẫn của điều tra viên Cục TK và Phòng TK là rất quan trọng mặc dù còn nhiều yếu tố tác động khác làm ảnh hưởng đến chất lượng điền phiếu như sự tiến hành song song với Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng cũng như sự thiếu kinh nghiệm trong việc điền phiếu do kỳ điều tra ngắn.

(7) Phân ngành cho doanh nghiệp chưa chính xác

Về nguyên tắc, doanh nghiệp được phân ngành theo sản phẩm chính (sản phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu). Tuy nhiên, khi phân tích các phiếu điều tra thu được, rất nhiều trường hợp được phát hiện ra chưa được phân ngành chính xác. Bảng 3-8 cho thấy những ngành mà doanh nghiệp thường bị phân loại không chính xác.

Bảng 3-8 Những phân loại doanh nghiệp chưa chính xác

Trường hợp	Phân ngành chưa chính xác				Phân ngành chính xác	
A	2693	Sản xuất gạch ngói và gốm, sứ xây dựng không chịu lửa	→		2691	Sản xuất đồ gốm sứ không chịu lửa (trừ gốm sứ dùng trong xây dựng).
A	2519	Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su	→		2520	Sản xuất các sản phẩm khác từ plastic
B	3430	Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ	→		3591	Sản xuất mô tô, xe máy
B	1810	Sản xuất trang phục (trừ quần áo da lông thú).	→		3610	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
A	2101	Sản xuất giấy nhãn và bao bì.	→		2102	Giấy nhãn
A	2109	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa	→		2101	Sản xuất giấy nhãn và bao bì.
A	2695	Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa	→		2694	Sản xuất xi măng, vôi, vữa
A	2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	→		2899	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.
B	2811	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	→		2710	Sản xuất sắt, thép

Thông thường, những trường hợp phân ngành không chính xác có thể được phân thành hai trường hợp sau:

1) Chính xác ở phân ngành VSIC cấp 2 nhưng không chính xác ở phân ngành VSIC cấp 4 (Trường hợp A)

Đây là trường hợp mà doanh nghiệp đã chuyển sang sản xuất sản phẩm ở ngành công nghiệp khác và việc sản xuất sản phẩm này đã và đang tăng trưởng và trở thành sản phẩm

chính của doanh nghiệp và điều này dẫn đến sự sai lệch. Một trường hợp khác cũng tương tự như trên nhưng sản phẩm được phân vào ngành khác không tăng trưởng nhưng lại rất giống với sản phẩm chính nên dẫn đến sự lẫn lộn và báo cáo nhầm.

2) Không chính xác ở phân ngành VSIC cấp 2 (Trường hợp B)

Đây là trường hợp một sản phẩm sử dụng nhiều hay ít cùng một nguyên vật liệu và chất lượng nhưng sản phẩm cuối cùng lại được phân vào ngành khác nên doanh nghiệp được phân vào ngành không chính xác.

Như đã trình bày ở trên, đó là những trường hợp mà phân ngành hiện tại không giống như phân ngành trước đây do rất nhiều lý do, Ở Việt Nam, vì nền công nghiệp biến đổi năng động và nhanh chóng nên nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thay đổi sản phẩm chính theo các điều kiện kinh tế. Điều này dẫn đến sự sai lệch giữa phân ngành của họ với những sản phẩm chính hiện đang sản xuất. Để giải quyết vấn đề này, TCTK và các Cục TK đã tiến hành kiểm tra và điều chỉnh phân ngành của các doanh nghiệp điều tra trên cơ sở định kỳ khi tiến hành điều tra hàng tháng.

(8) Phân phát nhiều mẫu phiếu điều tra

Ngoài những sản phẩm chính, một số doanh nghiệp còn sản xuất các sản phẩm có giá trị sản xuất lớn xấp xỉ các sản phẩm chính. Đây là một tình trạng thường gặp ở các daonh nghiệp sản xuất thành phẩm ở các phân ngành tương tự như thực phẩm và đồ uống, dệt và may, giấy và in, các phương tiện tham gia giao thông và phụ tùng như trình bày trong Bảng 3-9.

Vì những trường hợp này có thể dẫn tới sự thay đổi trong sản phẩm chính do sự thay đổi trong các điều kiện kinh tế và các nhân tố khác, việc sử dụng hai hay nhiều hơn các mẫu phiếu điều tra là điều cần thiết để đảm bảo và cải thiện độ tin cậy của số liệu.

Bảng 3-9 Những ngành cần cân nhắc để phát nhiều mẫu phiếu điều tra

Phân ngành của sản phẩm chính			Phân ngành xem xét để phát thêm phiếu điều tra	
1533	Thức ăn gia súc	→	1544	Mỳ ăn liền
1542	Đường	→	2412	Phân bón
1542	Đường	→	2029	Gỗ ván
1553	Bia	→	1554	Nước đóng chai
1711	Dệt và se sợi	→	1810	May mặc
2102	Giấy nhăn	→	2221	In
2221	In	→	2520	Chất dẻo
3410	Xe có động cơ	→	3430	Phụ tùng và phụ kiện xe có động cơ

(9) Những chỉ tiêu không phải điền

Một số ngành không yêu cầu phải điền một số chỉ tiêu trong phiếu điều tra (như tồn kho hay tiêu thụ nội bộ). Những chỉ tiêu này được tô đậm bằng màu xám để cho biết không cần điền vào. Tuy nhiên, khi phân tích phiếu điều tra thu được, có một số doanh nghiệp ở một số ngành vẫn điền vào những cột không yêu cầu điền phiếu. Những thông tin này sẽ được sử dụng để xem xét và điều chỉnh phiếu điều tra trong quá trình chuẩn bị cho điều tra chính thức.

1) Những ngành không nên yêu cầu điền cột "tiêu thụ nội bộ" vì chỉ tiêu này không hề được báo cáo trong các phiếu điều tra thu thập được
   - 2422: Ngành sản xuất sơn, véc in và các chất sơn quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít.

2) Những ngành mà cột "tiêu thụ nội bộ" được tô đậm vì không yêu cầu báo cáo trong phiếu điều tra nhưng một số doanh nghiệp vẫn điền khối lượng tiêu thụ nội bộ nên cần phải xem xét và quyết định lại.
   - 1512: Chế biến bảo quản thuỷ sản và sản phẩm từ thuỷ sản
   - 3410: Ngành sản xuất xe có động cơ

3.2.1.3 Phân tích kết quả nhập tin trong máy tính

Số liệu trong các phiếu điều tra do mỗi Cục Thống kê thu thập sẽ được nhập tin bằng máy tính tại các Cục TK. Phần này mô tả và đánh giá một cách cơ bản các kết quả liên quan đến nhập số liệu, phần mềm và lỗi số liệu.

(1) Nhập số liệu
- Vì các sản phẩm trong cột "Sản phẩm khác" thường được chấp nhận cho nhập tin mà không bị hỏi rằng liệu chúng có thuộc danh mục sản phẩm của cuộc điều tra hay không nên các sản phẩm trong mục này chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng trị giá xuất kho của mỗi ngành.
- Nhiều lỗi nhập tin do các dùng dấu thập phân, dấu chấm và dấu phẩy.

Trên thực tế, các lỗi nhập tin thường là do cách mặc định dấu thập phân và phân biệt hàng nghìn truyền thống của Việt Nam. Ví dụ, "1,234.00" sẽ được dùng là "1.234,00" theo cách đánh số sử dụng rộng rãi ở Việt Nam và thường được nhập tin là "1.234" thay cho "1234 (cách đánh số trên máy tính)." Lỗi nhập tin này nên được kiểm tra cẩn thận trong quá trình nhập tin như so sánh với số liệu của tháng trước.

(2) Phần mềm nhập tin

Chương trình phần mềm được sử dụng nhập tin nhìn chung hoạt động tốt trong các cuộc Điều tra thử. Theo nhận xét của các nhân viên Cục TK tham gia nhập tin, chương trình này quen thuộc và dễ sử dụng. Cụ thể, sau Điều tra thử 2 với số địa bàn điều tra lên tới 9 tỉnh, thành phố, nhiều ý kiến từ các Cục TK đã được đưa ra liên quan đến phần mềm nhập tin:

- Thiết kế màn hình nhập tin tương tự như màn hình hiện đang sử dụng cho điều tra hàng tháng hiện nay và dễ sử dụng.
- Phần mềm cần bổ sung chức năng tìm kiếm doanh nghiệp theo mã quận, huyện và theo phân ngành VSIC. .
- Vì việc ghép nhiều file số liệu vào một file là khó nên họ thường gửi nhiều file lên để TCTK ghép.
- Khi xuất hiện lỗi, chương trình quay về màn hình ban đầu.
- Có một ngành công nghiệp mà chương trình không cho phép nhập tin vào ô "sản phẩm khác".
- Với một số Cục TK có sử dụng mạng LAN để kết nối các máy tính cá nhân, chương trình nên được nâng cấp để hỗ trợ việc chia sẻ dữ liệu và sẽ nâng cao khả năng sử dụng.

(3) Lỗi số liệu

Bằng cách sử dụng chức năng tự kiểm tra lỗi của chương trình nhập tin, hai vấn đề dưới đây đã được xác định.

- Chức năng kiểm tra lỗi cho các cuộc Điều tra thử đã xác định hai trường hợp lỗi số liệu như sau: "khối lượng hàng xuất kho bằng 0 trong khi giá trị hàng xuất kho vẫn được báo cáo" và ngược lại.
- Trong một số trường hợp, giá xuất kho giữa các tỉnh có sự chênh lệch lớn.

Đối với các cuộc Điều tra thử, chương trình được mặc định để thông báo lỗi khi giá xuất kho vượt quá ba lần hay thấp hơn 1/3 giá xuất kho trung bình trong một tỉnh. Tuy nhiên, việc so sánh giá xuất kho của một số sản phẩm giữa các tỉnh cho thấy sự chênh lệch rất lớn. Có thể nguyên nhân bắt nguồn từ lỗi điền phiếu hay lỗi nhập tin liên quan đến giá trị bằng tiền tệ hay đơn vị tính. Vì vậy, việc kiểm tra chi tiết phiếu điều tra là một yêu cầu bắt buộc.

3.2.1.4 Phân tích các kết quả khác

Trong Điều tra thử 1, các doanh nghiệp còn được điều tra để tìm hiểu "Thời gian cần thiết để hoàn thành phiếu điều tra" , "Độ khó dễ khi điền phiếu điều tra" và "Mong muốn sử dụng kết quả điều tra". Kết quả được trình bày dưới đây.

(1) Thời gian cần thiết để điền phiếu điều tra

Trong tháng 10, thời gian trung bình điền phiếu điều tra của doanh nghiệp là 9,9 giờ. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 12,6 giờ, doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 10,3 giờ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 7,9 giờ và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 10,4 giờ.

Tháng 11, thời gian trung bình điền phiếu điều tra của doanh nghiệp là 9,0 giờ, thấp hơn một chút so với tháng 10. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 11,7 giờ, doanh

nghiệp Nhà nước địa phương là 7.2 giờ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 5.7 giờ và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 11.2 giờ.

Tháng 12, thời gian trung bình điền phiếu điều tra của doanh nghiệp giảm xuống còn 8.2 giờ. Trong đó, doanh nghiệp nhà nước Trung ương là 10.1 giờ, doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 7.1giờ , doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 4.7 giờ và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 10.5 giờ.

Rõ ràng là, thời gian hoàn thành phiếu sẽ giảm dần khi doanh nghiệp đã quen với Phiếu điều tra trong toàn bộ thời kỳ điều tra. Đồng thời, các doanh nghiệp Nhà nước cần một lượng thời gian đáng kể để hoàn thành phiếu do họ phải tuân thủ quy trình trong tổ chức.

(2) Độ khó dễ khi điền phiếu điều tra

Trong suốt kỳ điều tra, hầu hết các doanh nghiệp đều nhận xét rằng việc điền phiếu điều tra rất dễ dàng. Trong số 490 doanh nghiệp trả lời phiếu tháng 10, 388 doanh nghiệp (79.2%) cho rằng phiếu điều tra dễ trả lời. Tháng 11, trong số 487 doanh nghiệp điền phiếu, 395 doanh nghiệp(81.1%); và 400 trong số 488 doanh nghiệp trả lời tháng 12 (82.0%) cho rằng phiếu điều tra dễ điền.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng doanh nghiệp thấy dễ điền phiếu hơn khi họ đã quen với phiếu điều tra trong thời kỳ điều tra.

(3) Trong toàn bộ thời kỳ điều tra, rất nhiều doanh nghiệp thể hiện mong muốn sử dụng số liệu điều tra. Trong số 490 doanh nghiệp trả lời phiếu điều tra tháng 10, 391 doanh nghiệp (79.8%) trả lời rằng họ muốn có số liệu điều tra. Trong 487 doanh nghiệp tháng 11, 365 doanh nghiệp (75.0%) muốn sử dụng kết quả điều tra, thấp hơn một chút so với tháng 10. Trong tháng 12, 385 trong số 488 doanh nghiệp, (78.9%) trả lời muốn sử dụng, cao hơn tháng trước

Vì vậy, có thể khẳng định rằng nhu cầu sử dụng số liệu thống kê trong tương lai là rất lớn.

3.2.2 Công bố số liệu

3.2.2.1 Phương pháp công bố

Điều tra thử 2 được thiết kế để xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc công bố kết quả của điều tra chính thức và để thực hành công bố số liệu trong quá trình phát triển chỉ số. Trong giai đoạn điều tra chính thức, việc công bố dự kiến được thực hiện theo phương pháp sau:

1)Thống kê sản xuất thường xuyên được công bố dạng báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức. Báo cáo tạm thời được công bố vào cuối tháng sau tháng báo cáo và báo cáo chính thức được công bố vào một tháng nào quy định trong năm (chưa quyết định).

2)Cả báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức về thống kê sản xuất thường xuyên cấp toàn quốc và các chỉ số được công bố trên trang Web của TCTK và các báo cáo bằng văn bản.
3)Việc công bố chính thức lần đầu tiên sẽ được thực hiện sau khi áp dụng chính thức thống kê sản xuất thường xuyên theo Quyết định của Thủ tướng khoảng một tháng (dự kiến áp dụng từ tháng 2 năm 2007)
4)Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK sẽ tiến hành công bố số liệu lên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi báo cáo cho các đơn vị cụ thể (Các Uỷ ban nhân dân và các Bộ ngành tham gia hoạch định chính sách kinh tế).
5)Cả báo cáo tạm thời và báo cáo chính thức được công bố bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

Trong Điều tra thử 2, việc công bố không chính thức sẽ được thực hiện để xây dựng kỹ thuật công bố cho TCTK và công bố kế quả điều tra trên trang Web cũng như trên văn bản dưới hình thức thử nghiệm để rút kinh nghiệm thực tế.

3.2.2.2 Nội dung công bố

IIP được tính toán và công bố dựa trên số liệu thu được từ các cuộc điều tra. Nội dung công bố trong cuộc điều tra chính thức dự kiến như sau:

1)Báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức sẽ công bố số liệu của khoảng 50 sản phẩm chủ yếu có vai trò quan trọng trong việc đánh giá xu hướng công nghiệp của đất nước. Những sản phẩm này được lựa chọn từ danh mục sản phẩm của các ngành điều tra.
2)Công bố IIP bao gồm các chỉ số sản xuất, xuất kho và tồn kho được tính toán từ số liệu của tất cả các sản phẩm thuộc các ngành điều tra. Ngoài ra còn công bố chỉ số sản xuất và chỉ số sản xuất dự tính có sử dụng quyền số giá trị sản xuất để đối tượng dùng tin tham khảo.
3)Nội dung công bố bao gồm mô tả và phân tích ngành và các xu hướng khác ngoài số liệu và chỉ số.
4)Những số liệu thống kê có ảnh hưởng đến tính bảo mật sẽ không được công bố.

Các chỉ số đã được tính toán cho từng sản phẩm (từng ngành) trong Điều tra thử 2 với kỳ gốc là tháng 10 năm 2005.

3.2.2.3 Quy trình công bố

Quy trình công bố thống kê chính thức sẽ tuân thủ các bước dưới đây. Trong Điều tra thử 2, việc công bố được tiến hành như một thử nghiệm cho điều tra chính thức.

1)Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK xử lý số liệu thống kê cấp toàn quốc và tính toán IIP.
2)Cả báo cáo sơ bộ và báo cáo chính thức sẽ được công bố sau khi được TCTK phê chuẩn.
3)Việc công bố trên trang Web của TCTK sẽ do Phòng phụ trách phát triển trang Web thực hiện.

Quy trình trên đây được coi là cơ sở cho việc công bố và duy trì. Trên thực tế, quy trình này đã được thử nghiệm trong Điều tra thử 2.

3.2.2.4 Công bố trên trang Web

Ví dụ công bố kết quả điều tra trên Trang Web của TCTK trong Điều tra thử lần 2 được trình bày trong Hình 3-12. Nội dung công bố như sau (được cập nhật hàng tháng).

1)Tổng quát về cuộc điều tra
2)Mục đích
3)Nội dung
4)Kết quả

Kết quả điều tra được công bố trong dạng thức PDF (hoặc Word/Excel) để cho phép đối tượng sử dụng có thể tải được. Các chỉ số được dự kiến công bố bao gồm chỉ số sản xuất theo ngành (Hình 3-13), chỉ số xuất kho, chỉ số tồn kho cuối kỳ, danh sách sản phẩm góp phần vào sự tăng trưởng hay suy giảm của chỉ số sản xuất.

Hình 3-12 Công bố trên trang Web của TCTK (Trang chính)

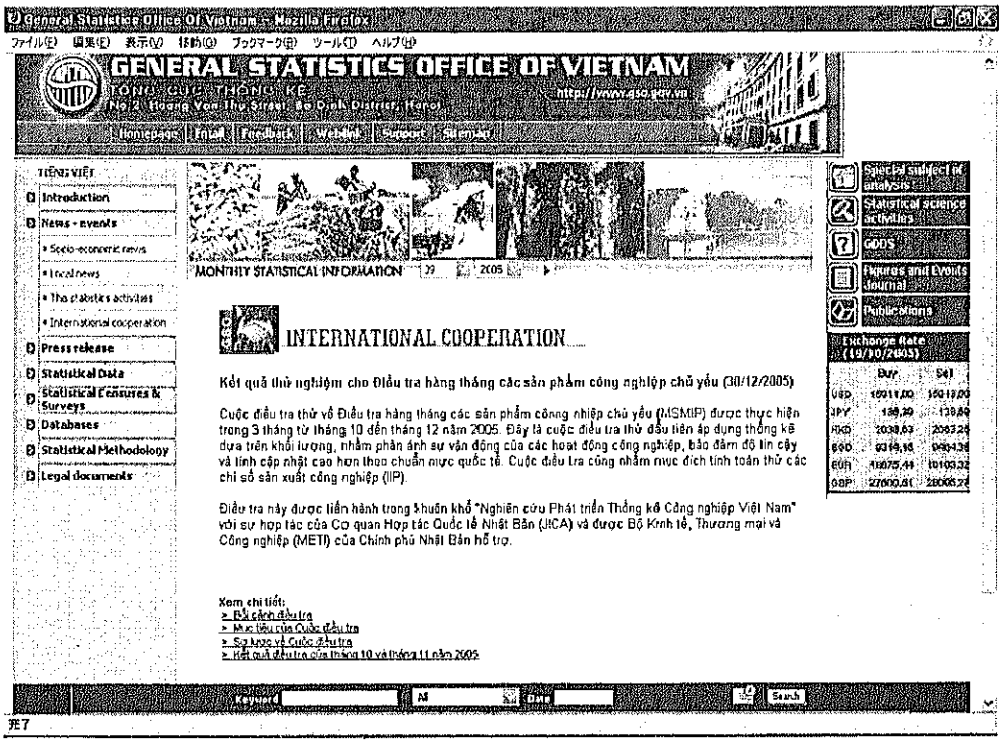

Hình 3-13 Công bố IIP theo ngành trên dạng thức PDF

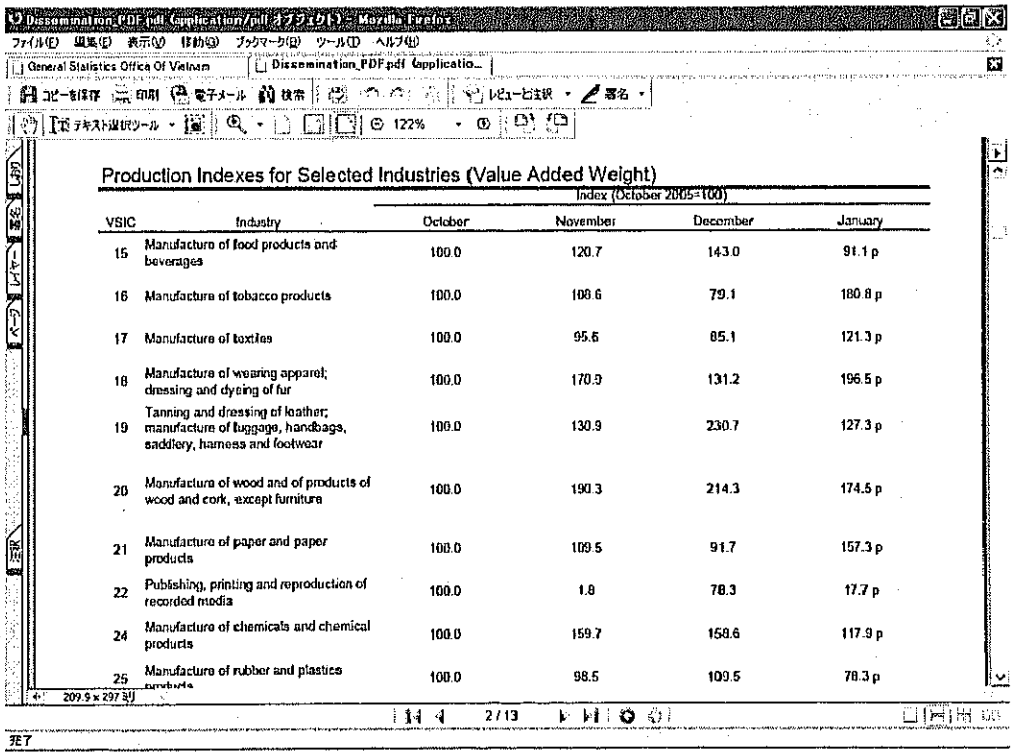

Production Indexes for Selected Industries (Value Added Weight)

VSIC	Industry	Index (October 2005=100) October	November	December	January
15	Manufacture of food products and beverages	100.0	120.7	143.0	91.1 p
16	Manufacture of tobacco products	100.0	108.6	79.1	180.8 p
17	Manufacture of textiles	100.0	95.6	85.1	121.3 p
18	Manufacture of wearing apparel; dressing and dyeing of fur	100.0	170.9	131.2	196.5 p
19	Tanning and dressing of leather; manufacture of luggage, handbags, saddlery, harness and footwear	100.0	130.9	230.7	127.3 p
20	Manufacture of wood and of products of wood and cork, except furniture	100.0	190.3	214.3	174.5 p
21	Manufacture of paper and paper products	100.0	109.5	91.7	157.3 p
22	Publishing, printing and reproduction of recorded media	100.0	1.8	78.3	17.7 p
24	Manufacture of chemicals and chemical products	100.0	159.7	158.6	117.9 p
25	Manufacture of rubber and plastics products	100.0	98.5	109.5	78.3 p

3.3 Những bài học rút ra từ kết quả các cuộc Điều tra thử

Dựa trên kết quả của các cuộc Điều tra thử, những vấn đề chính cần phải chú trọng khi thiết kế và thực hiện điều tra chính thức được liệt kê trong Bảng 3-10. Đồng thời, các bài học và khuyến nghị cần chú ý khi xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển cũng được liệt kê dưới đây.

Phương pháp điều tra

- Hệ thống điều tra
- Thu thập
- Kiểm tra
- Nhập tin
- Công bố

Thiết kế phiếu điều tra

- Thông tin cơ bản
- Các chỉ tiêu điều tra
- Các sản phẩm
- Đơn vị
- Hệ thống đánh số
- Sản phẩm khác
- Thiết kế

Danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế)

- Phân ngành
- Xem xét vấn đề phân phát nhiều phiếu điều tra

Khác

- Đào tạo và tuyên truyền

Bảng 3-10 Các bài học rút ra từ Kết quả các cuộc Điều tra thử và các khuyến nghị để cải thiện

< Phương pháp điều tra>

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Hệ thống điều tra	Trong các cuộc Điều tra thử, hạn thu thập phiếu điều tra được ấn định vào ngày 12 hàng tháng. Tỷ lệ thu phiếu cuối cùng tại tất cả các Cục TK đều rất cao nhưng tỷ lệ thu phiếu tính đến ngày 12 của một số Cục TK chỉ đạt dưới 50%.	Khi xem xét nhu cầu công bố số liệu hàng tháng và đảm bảo độ tin cậy của số liệu, việc đạt được tỷ lệ thu phiếu cao và đúng hạn là điều vô cùng quan trọng. Vì các cuộc Điều tra thử được áp dụng cho các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) ở những địa bàn công nghiệp hoá cao như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Bình Dương.. và khối lượng công việc của các điều tra viên rất lớn (số doanh nghiệp điều tra mà một điều tra viên phụ trách). Khối lượng công việc còn lớn hơn khi tiến hành song song với điều tra thống kê hiện nay. Dự kiến khối lượng công việc của họ sẽ giảm xuống khi MSMIP được thay thế điều tra hiện nay nhưng các phương pháp hiệu quả cần được áp dụng để cân bằng khối lượng công việc và xây dựng một hệ thống đảm bảo việc thu thập phiếu điều tra đúng hạn.	Hiện tại, nhân viên Cục TK chịu trách nhiệm thu thập phiếu từ các doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, để cân bằng khối lượng công việc, việc phân bổ lại công việc cho các nhân viên Phòng Thống kê (chịu trách nhiệm các doanh nghiệp ngoài quốc doanh) cần được xem xét khi cần thiết. Đồng thời, các điều tra viên không nên dựa vào hệ thống báo cáo tự nguyện mà nên thoả thuận với doanh nghiệp về ngày nộp phiếu.
Thu thập	Vì phiếu điều tra yêu cầu phải có chữ ký của người đứng đầu cơ sở kinh tế (giám đốc) nên đôi khi để lấy chữ ký là mất thời gian mặc dù phiếu điều tra đã hoàn thành tương đối sớm. Điều này cũng gây ra hiện tượng chậm nộp phiếu điều tra.	Việc thu thập phiếu sẽ được thực hiện nhanh hơn bằng cách chấp nhận chữ ký của người điền phiếu (thường là kế toán) hoặc người phụ trách (kế toán trưởng).	Việc phê duyệt của phụ trách là cần thiết để đảm bảo độ tin cậy của số liệu. Vì vậy, nên yêu cầu chữ ký của người phụ trách người điền phiếu nếu không có chữ ký của giám đốc. Cần thông báo điều này cho người điền phiếu.
Kiểm tra	Các điều tra viên thường không thể kiểm tra kỹ phiếu khi thu thập và xác nhận với doanh nghiệp cũng như điều chỉnh những lỗi điền phiếu có thể có như bỏ sót, không nhất quán giữa số liệu điền vào và chỉ tiêu điều tra, lỗi đơn vị tính và cách đánh số, lỗi điền nhầm và "Sản phẩm khác" do không hiểu danh mục sản phẩm cũng như phân ngành. Điều này thường xảy ra mặc dù đã tổ chức các cuộc hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp.	Nhiều điều tra viên bận rộn do phải xử lý đồng thời hai cuộc điều tra (Điều tra thử và điều tra hiện tại) nên không đủ thời gian để kiểm tra kỹ phiếu. Đồng thời, tài liệu hướng dẫn này cũng khác với tài liệu hướng dẫn điều tra hiện nay. Vì vậy, hệ thống và tổ chức điều tra cần được xem xét và điều chỉnh để cải thiện tình hình.	Trưởng Phòng ở Cục TK nên hướng dẫn các điều tra viên kiểm tra phiếu điều tra theo tài liệu hướng dẫn đồng thời kiểm tra phiếu điều tra định kỳ và cung cấp hướng dẫn nếu cần thiết.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Nhập tin	Phân tích số liệu nhập tin cho thấy nhiều lỗi nhập tin do sự thiếu nhất quán trong cách đánh số và phân biệt các số hàng nghìn (điều này làm số liệu tăng hay giảm gấp nghìn lần)	Các số liệu điền trong phiếu điều tra thường sử dụng hệ thống đánh số của Việt Nam để phân biệt hàng nghìn (sử dụng dấu phẩy để biểu thị dấu thập phân và dấu chấm để biểu thị đơn vị nghìn) khiến nhân viên nhập tin bị nhầm lẫn. Cần đưa ra các phương pháp hiệu quả để loại bỏ lỗi này.	Vì cách đánh số được sử dụng giữa các doanh nghiệp là khác nhau nên khó có thể thuyết phục sử dụng một phương pháp cho tất cả các doanh nghiệp. Vì vậy, điều tra viên nên kiểm tra số liệu cẩn thận với người điền phiếu để tránh hiểu lầm. Cục Thống kê cần hướng dẫn cụ thể cho các điều tra viên.
	Trong nhiều phiếu điều tra, các chỉ tiêu khối lượng được nhập bằng các con số nhưng một số chỉ tiêu khác bị bỏ sót và đánh dấu bằng "- ". Trong trường hợp này, phần mềm nhập tin sẽ hiểu là số "0" và điều này rất khó để phân biệt với giá trị bằng 0.	Cần phải phân biệt rõ mỗi cách nhập đó biểu hiện là bỏ sót hay không có giá trị để nâng cao tính chính xác của số liệu.	Điều tra viên cần yêu cầu nhập tin vào tất cả các mục cần nhập kể cả khi không có giá trị và kiểm tra lại và nếu chỉ tiêu đó không có giá trị, trong cơ sở dữ liệu cần điền là "0".
Công bố	Một số sản phẩm chỉ được sản xuất tại duy nhất một doanh nghiệp như ở ngành VSIC3000 (thiết bị văn phòng).	Sản phẩm được sản xuất tại duy nhất một doanh nghiệp hay nhiều doanh nghiệp cần được kiểm tra.	Sản phẩm áp dụng trong MSMIP cần được kiểm tra cùng với số lượng các nhà sản xuất. Đối với việc công bố số liệu trong tương lai, phương pháp công bố số liệu theo sản phẩm cần được xem xét.

< Thiết kế phiếu điều tra >

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Thông tin cơ bản	Trong nhiều phiếu điều tra, các thông tin cơ bản như mã số thuế, địa chỉ, điện thoại, tên người liên hệ bị bỏ sót	Vì những thông tin trên là cần thiết cho việc cập nhật danh sách chủ các doanh nghiệp nên cần phải hướng dẫn để tránh bỏ sót hay nhập tin nhầm (nhập tên và địa chỉ khác đăng ký trong cơ sở dữ liệu)	Cần phải đảm bảo rằng các điều tra viên đã hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp điều tra và kiểm tra cẩn thận khi thu phiếu.
Chỉ tiêu điều tra	Nhiều doanh nghiệp có vẻ lẫn lộn vì trong các cuộc điều tra trước đây, chỉ tiêu tồn kho cuối kỳ chưa bao giờ được hỏi nên họ đã nhập "0" hoặc "-".	Cuộc điều tra cũng cho thấy rằng nhiều doanh nghiệp đã lưu kho sản phẩm hàng tháng	Điều tra viên nên giải thích về tầm quan trọng của việc quản lý tồn kho cho doanh nghiệp khi tổ chức hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp hay phân phát phiếu điều tra.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
	Đối với một số ngành, một số chỉ tiêu đã được tô đậm để biểu thị rằng không cần điền vào chỉ tiêu đó như tồn kho cuối kỳ hay tiêu thụ nội bộ nhưng một số doanh nghiệp vẫn điền vào. Đồng thời, một số chỉ tiêu này, khi được yêu cầu điền, lại không có một doanh nghiệp nào điền vào.	Việc không điều tra một số chỉ tiêu được quyết định dựa trên các hoạt động sản xuất của một số ngành cụ thể. Tuy nhiên, một số trường hợp thì điều này không đúng và nằm ngoài dự đoán. Vì vậy, phương pháp và chỉ tiêu lựa chọn các chỉ tiêu không cần điều tra cần được xem xét và điều chỉnh.	Dựa trên kết quả các cuộc Điều tra thử, việc xem xét cần được tiến hành bằng việc xác nhận với các doanh nghiệp điều tra và các tổ chức thương mại. Đồng thời, nhiều ngành cần được điều chỉnh những chỉ tiêu điều tra trước khi tiến hành cuộc điều tra dựa trên những thông tin từ cơ sở kinh tế và các tổ chức thương mại trước khi tiến hành cuộc điều tra. Bất kỳ sự thay đổi nào cũng được phản ánh vào phiếu điều tra mới được bắt đầu từ Tháng 1 hàng năm
Sản phẩm	Nhiều sản phẩm được báo cáo trong cột "Sản phẩm khác"	Báo cáo vào mục "Sản phẩm khác" do những nguyên nhân sau: - Trong các cuộc điều tra trước, doanh nghiệp được yêu cầu viết ra các sản phẩm của họ nên họ không quen cách báo cáo vào các sản phẩm được in sẵn. - Mô tả của một số sản phẩm không cụ thể và dễ hiểu. - Một sản phẩm sản xuất bởi một doanh nghiệp tương tự như sản phẩm trong danh sách in sẵn nhưng tên gọi khác nhau dẫn đến hiểu nhầm.	Điều tra viên cần được hướng dẫn chi tiết để có thể giải thích chính xác về sản phẩm cho các doanh nghiệp điều tra. Điều này giúp điều tra viên tìm ra và ngăn được các lỗi điền phiếu trong quá trình kiểm tra. Vì mục đích này, TCTK và các Cục TK nên tiến hành đào tạo định kỳ. Trong tương lai, danh mục sản phẩm sẽ được điều chỉnh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp song song với việc lựa chọn và điều chỉnh sản phẩm bằng phân tích các ý kiến trong năm trước, loại bỏ các chỉ tiêu không có doanh nghiệp báo cáo và phân loại lại để đảm bảo nhiều doanh nghiệp sẽ báo cáo được.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Đơn vị	Trong một số phiếu điều tra, các doanh nghiệp đã báo cáo bằng cách sử dụng đơn vị tính khác với đơn vị tính đã quy định và in sẵn trong phiếu điều tra.	Những lỗi dưới đây đã được phát hiện ra. - Sự lẫn lộn giữa "tấn" và "kg" hay giữa "1.000 chiếc" và "chiếc" (lẫn lộn giữa các phương pháp đánh số). - Doanh nghiệp nhỏ phải dùng số thập phân nếu áp dụng đơn vị tính là "tấn" hay "triệu đồng". Điều này đúng với những sản phẩm sản xuất với khối lượng nhỏ. - Một số doanh nghiệp sử dụng đơn vị tính nội bộ bằng cách viết lại đơn vị đã in trong phiếu điều tra. Vì vậy, cần sử dụng những đơn vị tính được đông đảo doanh nghiệp chấp nhận.	Cần xem lại đặc điểm hoạt động sản xuất theo ngành bằng cách phân tích các phiếu điều tra đã thu thập và số liệu cũng như các đơn vị tính tối thiểu mà các doanh nghiệp điều tra áp dụng. Đồng thời, các điều tra viên cần kiểm tra cụ thể khi thu phiếu.
	Trị giá hàng xuất kho nên được báo cáo bằng tiền Việt Nam. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp đã sử dụng đồng đô la Mỹ và được doanh nghiệp hay điều tra viên Cục Thống kê quy đổi bằng tỷ giá hối đoái họ tự chọn.	Nguyên tắc quy đổi (được thực hiện bởi Cục Thống kê, vv) không được thông báo cho các doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) và các điều tra viên.	Phiếu điều tra nên được thiết kế lại để cho phép báo cáo bằng đồng tiền mà doanh nghiệp chọn, đồng Việt Nam hay đô la Mỹ, theo nguyên tắc kế toán của doanh nghiệp và yêu cầu Cục Thống kê quy đổi bằng một tỷ giá thống nhất.
Hệ thống đánh số	Không có một nguyên tắc thống nhất về cách đánh số như sử dụng dấu phẩy và dấu chấm và nguyên tắc phân biệt hàng nghìn hay dấu thập phân và điều này đã gây ra lỗi điền phiếu hay lỗi nhập tin.	Đối với các số thập phân lẻ, nguyên tắc làm tròn tại chữ số thứ hai sau dấu thập phân đã không được tuân thủ chặt chẽ.	Sau khi phân tích phiếu điều tra và số liệu, đơn vị đánh số có thể nên thay đổi để cho phép ghi toàn bộ con số. Đồng thời, tập trung vào khối lượng sản xuất của từng sản phẩm. Các điều tra viên cần hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp điều tra.
Sản phẩm khác	5% - 25% trị giá hàng xuất kho là từ "Sản phẩm khác" tuỳ theo từng tỉnh. Lý do chính là các điều tra viên và doanh nghiệp nhanh chóng phân sản phẩm không có tên trên danh sách vào mục sản phẩm khác mà không kiểm tra kỹ những sản phẩm in sẵn (ví dụ: cùng một sản phẩm nhưng tên gọi khác nhau). Đồng thời, có nhiều trường hợp do phân ngành sai đã dẫn đến việc doanh nghiệp không thể báo cáo vào các sản phẩm in sẵn.	Điều tra viên và doanh nghiệp không quen với điều tra thống kê dựa trên sản phẩm. Đồng thời, việc cập nhật phân loại ngành nên được tiến hành định kỳ.	Dựa vào kết quả phân tích phiếu điều tra ta thấy việc hướng dẫn mô tả sản phẩm và quy trình nhập tin cần được tiến hành lại tại mỗi Cục Thống kê. Cần xây dựng một hệ thống để đảm bảo cập nhật danh sách doanh nghiệp tương ứng với bất kỳ thay đổi nào trong phân ngành công nghiệp.

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Thiết kế	Phiếu điều tra gồm ba trang thường làm bản thứ ba không rõ ràng khi điền phiếu không mạnh tay. Đồng thời, việc phân phát và thu thập phiếu cũng mất nhiều thời gian hơn.	Vì phiếu điều tra ba liên không được sử dụng ở các cuộc điều tra trước đây nên một số điều tra viên và doanh nghiệp không biết cách sử dụng	Sau các cuộc Điều tra thử, phiếu điều tra một liên sẽ được sử dụng và Cục Thống kê sẽ lưu giữ phiếu đó.

< Danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) >

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Phân ngành công nghiệp	Có rất nhiều trường hợp phân ngành công nghiệp và mẫu phiếu điều tra phát ra là khập khiếng. Một số doanh nghiệp đã bị phân ngành sai trong danh sách doanh nghiệp của TCTK	Trong điều tra hiện nay, một mẫu phiếu điều tra được áp dụng cho tất cả các ngành và việc phân ngành sai không ảnh hưởng đến việc điền phiếu và thu phiếu. Tuy nhiên, với MSMIP, những mẫu phiếu khác nhau được phân phát cho các ngành khác nhau nên việc phân ngành cần phải được thực hiện chính xác và được phản ánh trong mỗi phiếu điều tra.	Khi danh sách các doanh nghiệp điều tra cho MSMIP được lập dựa trên danh sách doanh nghiệp (cơ sở kinh tế) trong cơ sở dữ liệu của TCTK, phân ngành cho mỗi doanh nghiệp cần được xác nhận thông qua Cục Thống kê. Đồng thời, số liệu sản xuất của mỗi doanh nghiệp cần được kiểm tra định kỳ để cập nhật cơ sở dữ liệu. Khả năng phân phát nhiều phiếu điều tra cho các doanh nghiệp có nhiều sản phẩm chính cũng được xem xét khi tiến hành điều tra chính thức để đảm bảo điều tra chính xác đối với mỗi ngành
Phân phát nhiều phiếu điều tra	Các sản phẩm được sản xuất tại một số doanh nghiệp ngoài các sản phẩm chính nhưng có giá trị sản xuất lớn sau những sản phẩm chính. Các trường hợp này dẫn đến sự thay đổi trong các sản phẩm chính để thay thế các sản phẩm chính trong phân ngành trên cơ sở dữ liệu của TCTK	Nếu một phiếu điều tra phát cho một doanh nghiệp, số liệu về sản phẩm được phân vào ngành khác với khối lượng sản xuất lớn sẽ không thể được thống kê. Đồng thời, cần xây dựng một hệ thống điều chỉnh để phát phiếu điều tra phù hợp khi một sản phẩm ở phân ngành khác lại trở thành sản phẩm chính.	Nếu MSMIP sử dụng một phiếu điều tra cho một doanh nghiệp, cần xây dựng một hệ thống xác định sản phẩm chính một cách thường xuyên và chính xác. Đồng thời, cần kiểm tra lại khả năng phát nhiều mẫu phiếu cho một doanh nghiệp và nếu có thể, cần xây dựng một hệ thống xác định các tiêu chuẩn lựa chọn (ví dụ: Một ngành mà trong đó sản phẩm được sản xuất bởi một doanh nghiệp đã chiếm một tỷ lệ phần trăm nhất định trong tổng giá trị sản xuất). Trong điều tra dựa trên sản phẩm, các sản phẩm cần phải xác định càng cụ thể càng tốt.

<Khác >

Mục	Vấn đề	Bài học rút ra	Khuyến nghị
Đào tạo và tuyên truyền	Các doanh nghiệp biết rất ít về thống kê sản xuất thường xuyên.	Vì kết quả của điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng không được công bố rộng rãi nên nhiều doanh nghiệp không biết gì về vấn đề công bố.	Trong Điều tra thử 1, qua kết quả trong phiếu điều tra, khoảng 79% các doanh nghiệp điều tra bày tỏ mong muốn sử dụng kết quả điều tra. Cần phải mở rộng phạm vi công bố bằng cách tuyên truyền rộng rãi Điều tra Chọn mẫu công nghiệp hàng tháng và kết quả điều tra trên báo chí và các phương tiện khác.

3.4 Khái quát việc thực hiện Điều tra Tiền trạm và đánh giá

3.4.1 Mục đích và Khái quát về Điều tra Tiền trạm

Sau khi hoàn thành Điều tra thử lần 2, TCTK tiếp tục tiến hành một cuộc điều tra thử quy mô mở rộng. Cuộc điều tra được tiến hành trong một năm, bắt đầu từ tháng 2 năm 2006 (tháng điều tra từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2006). Cuộc điều tra này dưới đây được gọi là Điều tra Tiền trạm cho Thống kê Sản xuất thường xuyên của Việt Nam nhằm phân biệt với các cuộc Điều tra thử trong Nghiên cứu Phát triển.

(1) Các mục đích của Điều tra Tiền trạm

1) Mở rộng quy mô của điều tra thống kê sản xuất thường xuyên bằng cách bổ sung các ngành then chốt của Việt Nam như khai thác, chế biến, dịch vụ điện/khí/nước.
2) Mở rộng quy mô của điều tra thống kê sản xuất thường xuyên đến các hộ cá thể.
3) Xây dựng cơ sở cho các phương pháp tổng hợp thống kê và công bố.

(2) Khái quát về Điều tra Tiền trạm

Khái quát về Điều tra tiền trạm được mô tả như sau.

- Thời gian điều tra: từ Tháng 2 năm 2006 đến tháng 1 năm 2007
- Địa bàn điều tra: 25 tỉnh/thành phố (bao gồm chín địa bàn trong Điều tra thử lần 2)
- Số đơn vị được điều tra: 7,845 (2.434 doanh nghiệp, 5.411hộ cá thể)
- Ngành điều tra: 60 (4 ngành khai thác, 53 ngành khai thác (bao gồm 48 ngành trong Điều tra thử lần 2) và 3 ngành điện/khí/nước)
- Số sản phẩm: 590 (bao gồm 524 sản phẩm từ Điều tra thử lần 2)
- Các chỉ tiêu điều tra: 8 chỉ tiêu (bao gồm 6 chỉ tiêu trong Điều tra thử lần 2 và chỉ tiêu "Tổng Doanh thu thuần của doanh nghiệp" và "Doanh thu thuần công nghiệp"
- Phiếu điều tra: về cơ bản sử dụng phiếu điều tra như trong Điều tra thử lần 2 nhưng chỉ có một liên in cả mặt trước và mặt sau
- Tổ chức và phương pháp: sử dụng các điều tra viên của Cục TK và Phòng TK, thu thập phiếu điều tra bằng cách sử dụng Hệ thống báo cáo (cho doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài), kiểm tra phiếu điều tra và nhập tin bởi Cục TK, công bố dữ liệu bởi TCTK.
- Phương pháp nhập dữ liệu: Nhập dữ liệu bởi nhân viên Cục TK chuyên trách có sử dụng phương pháp nhập tin mới được xây dựng trên Access và Visual Basic (do Trung tâm Tin học phát triển)
- Phương pháp lựa chọn các đối tượng điều tra: tuân theo tiêu chuẩn và phương pháp lựa chọn của các cuộc Điều tra thử.

- Tính pháp lý của Điều tra Tiền trạm: Quyết định của Tổng cục Trưởng của TCTK ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2005 (NO.1621/QD-TCTK)
- Đơn vị thực hiện Điều tra: TCTK dưới sự hỗ trợ kỹ thuật của Chính phủ Nhật Bản

3.4.2 Đánh giá sơ bộ về Điều tra Tiền trạm

Vì Điều tra Tiền trạm được điều chỉnh về mặt đối tượng điều tra và phương pháp điều tra so với Điều tra thử lần 2 và có được bổ sung nên sau ba tháng thực hiện Điều tra Tiền trạm, các cuộc điều tra phòng vấn và phân tích các phiếu điều tra được tiến hành tại các địa bàn điều tra mà chủ yếu là 9 địa bàn đã tham gia Điều tra thử lần 2. Dựa trên các kết quả phân tích, những thay đổi cơ bản trong các kết quả điều tra khi so sánh với Điều tra thử lần 2 và các vấn đề đã được xác định để phản ánh trong Kế hoạch sơ bộ cho Điều tra Sản xuất công nghiệp thường xuyên.

3.4.2.1 Những khác biệt cơ bản giữa Điều tra Tiền trạm và Điều tra thử lần 2

So sánh các chỉ tiêu điều tra và kết của của hai cuộc điều tra có thể thấy rõ sự khác biệt ở những điểm dưới đây.

1) Các địa bàn điều tra: tăng từ 9 đến 25 (9 địa bàn điều tra trong Điều tra thử lần 2 được điều tra trong Điều tra Tiền trạm)

2) Các ngành điều tra: tăng từ 48 lên 60 ngành (số ngành trong ngành chế biến tăng lên tới 53 cộng với 7 ngành gồm khai thác, điện, khí và nước

Các ngành được bổ sung cho Điều tra Tiền trạm bao gồm.

C	Khai thác mỏ
1110	Ngành khai thác và thu gom than cứng
1320	Khai thác quặng kim loại màu trừ quặng urani và thorium
1410	Ngành khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh
D	Chế biến
1511	Ngành sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và sản phẩm từ thịt
1513	Ngành chế biến và bảo quản rau quả
1551	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh, rượu mùi, sản xuất rượu etylic từ nguyên liệu lên men
2010	Ngành cưa, xẻ và bào gỗ
3311	Sản xuất thiết bị y tế, phẫu thuật và dụng cụ chỉnh hình
E	Cung cấp điện, khí và nước
4010	Ngành sản xuất tập trung và phân phối điện
4020	Ngành sản xuất ga, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống

4100 Khai thác, lọc và phân phối nước

(3) Các cơ sở điều tra: Các hộ cá thể được bổ sung.
(4) Phần mềm xử lý dữ liệu: chuyển từ FoxPro (do nhân viên TCTK phát triển) sang Access + Visual Basic (do Trung tâm Tin học phát triển)

3.4.2.2 Các vấn đề liên quan đến Điều tra Tiền trạm

Từ kết quả các cuộc phỏng vấn và phân tích các phiếu điều tra đã thu thập, những vấn đề dưới đây đã được chỉ ra.

(1) Khác biệt đáng kể trong mức độ nhận thức giữa các điều tra viên về Điều tra Tiền trạm và nội dung của Điều tra Tiền trạm

Có những khác biệt đáng kể về nhận thức về cuộc điều tra cũng như mức độ chất lượng công việc giữa các điều tra viên đã từng tham gia các cuộc điều tra thử với các điều tra viên tham gia Điều tra Tiền trạm lần đầu tiên (hiệu quả và độ tin cậy trong kiểm tra phiếu điều tra, vv). Những khác biệt này được phản ánh rõ ràng trong kết quả của Điều tra Tiền trạm. Trên thực tế, mức độ hiểu biết hạn chế của các Cục TK tham gia điều tra lần đầu vì các điều tra viên mới chỉ tham gia hội thảo chuẩn bị điều tra. Vì vậy, kết quả trên cũng cho thấy sự cần thiết phải đào tạo và hướng dẫn các điều tra viên Cục TK và Phòng TK ở từng địa bàn điều tra.

(2) Sự chậm trễ trong thu thập phiếu điều tra do sự gia tăng khối lượng công việc của các điều tra viên

Vì Điều tra Tiền trạm được tiến hành song song với cuộc điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện nay nên đã gia tăng khối lượng công việc cho các điều tra viên. Tình hình càng khó khăn hơn khi cuộc Điều tra Doanh nghiệp hàng năm bắt đầu tiến hành vào tháng 3. Cụ thể, các điều tra viên tham gia vào cuộc điều tra thống kê này lần đầu tiên thường chậm trễ trong việc thu thập và kiểm tra số liệu do thiếu kinh nghiệm. Đó là chưa kể đến sự eo hẹp về mặt thời gian do khối lượng công việc gia tăng.

(3) Sự thiếu hợp tác của một số doanh nghiệp

Nhìn chung, nhiều doanh nghiệp, không kể đến quy mô, đã coi Điều tra Tiền trạm là một cuộc điều tra không chính thức của Chính phủ và một số doanh nghiệp rất miễn cưỡng tham gia vào cuộc điều tra. Đồng thời, sự thiếu hợp tác cũng phản ánh sự thiếu hiểu biết về lợi ích của các cuộc điều tra thống kê đem lại cho các ngành và các doanh nghiệp.

(4) Những vấn đề nảy sinh do đặc tính của các hộ cá thể

Do các doanh nghiệp và các hộ cá thể sử dụng chung một mẫu phiếu điều tra, những vấn đề dưới đây đã được chỉ ra do sự những đặc tính riêng của hộ cá thể:

(a) Đơn vị tính trong phiếu điều tra nhình chung quá lớn so với khối lượng sản xuất rất nhỏ.
(b) Số liệu thiếu tính ổn định do vấn đề mùa vụ trong các sản phẩm sản xuất

(c) Việc thay đổi thường xuyên các sản phẩm sản xuất gây khó khăn khi áp dụng mẫu phiếu hiện nay.

(d) Sự khó khăn trong việc đảm bảo tính chính xác của số liệu vì hầu hết các hộ cá thể không có hệ thống ghi chép sản xuất như khối lượng tồn kho, khối lượng xuất kho, trị giá hàng xuất kho và những số liệu này chỉ có thể thu thập từ chủ cơ sở theo trí nhớ của họ.

Độ tin cậy thấp của số liệu thu thập từ các hộ cá thể đã gây tác động tiêu cực tới độ tin cậy và tính kịp thời của số liệu điều tra thống kê chính thức (MSMIP).

(5) Các vấn đề liên quan đến phần mềm xử lý dữ liệu

Rất nhiều khó khăn nảy sinh trong giai đoạn đầu sử dụng chương trình xử lý dữ liệu. Những khó khăn này được các Cục TK báo lên TCTK và chương trình được Trung tâm Tin học điều chỉnh theo yêu cầu của TCTK. Kết quả là, những vấn đề lớn liên quan đến chương trình đã được xử lý. Tuy nhiên, các vấn đề nảy sinh dưới đây không phải do chương trình phần mềm:

(a) Người nhập tin không tìm hiểu kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình và đã đổ lỗi cho chương trình với những lỗi do người nhập tin thao tác chưa chính xác.

(b) Thiếu kinh nghiệm trong điều hành chương trình

(c) Các máy tính cũ của các Cục TK không thể chạy chương trình phần mềm mới một cách hiệu quả.

(6) Sự chậm trễ trong tổng hợp dữ liệu do sự chậm trễ chung trong quá trình thu thập và kiểm tra

Tỷ lệ thu hồi phiếu đến ngày 12 hàng tháng (hạn thu phiếu điều tra) tương đối thấp với tỷ lệ trung bình khoảng 50%. Tỷ lệ này đặc biệt thấp với các Cục TK mới tham gia từ Điều tra Tiền trạm. Hơn nữa, việc kiểm tra sơ bộ phiếu điều tra thường không được tiến hành chu đáo để đảm bảo độ tin cậy của số liệu. Vì vậy, các kết quả của Điều tra Tiền trạm chưa được tính toán ở dạng dữ liệu có thể công bố. Trên thực tế, việc tính toán chỉ số chưa được bắt đầu.

Vì một số vấn đề mới phát sinh và do thực tế rằng Điều tra Tiền trạm bao gồm cả các hộ cá thể thực hiện lần đầu nên không thể phản ánh đầy đủ đặc tính riêng của đối tượng này. Còn các vấn đề khác đã được xác định dựa trên việc phân tích kết quả điều tra cho đến Điều tra thử lần 2. Vì Điều tra Tiền trạm còn được tiếp tục đến cuối năm 2006, kết quả phân tích cho đến nay sẽ được sử dụng làm cơ sở xây dựng Kế hoạch sơ bộ cho Điều tra Sản xuất công nghiệp thường xuyên (Xem Chương 5)

3.5 Hoàn thiện Danh mục sản phẩm và Phiếu điều tra

3.5.1 Phân tích và Hoàn thiện Danh mục sản phẩm

Dựa vào các ngành và sản phẩm trong Điều tra thử lần 2 và kết quả của Điều tra Tiền trạm cho đến nay, danh mục sản phẩm sẽ được hoàn thiện. Danh mục dự kiến sẽ được mở rộng khi cuộc điều tra sản xuất công nghiệp thường xuyên được áp dụng chính thức. Những công việc cần thiết để mở rộng phạm vi điều tra sẽ được tiến hành bởi TCTK cùng với việc chuyển giao chuyên môn nghiệp vụ từ Nhóm Nghiên cứu JICA trong quá trình thực hiện Nghiên cứu. Vì vậy, Nghiên cứu hiện nay mới chỉ xem xét và điều chỉnh danh mục sản phẩm áp dụng trong Điều tra thử lần 2 với 48 ngành trong ngành công nghiệp chế biến.

(1) Phân tích và điều chỉnh danh mục sản phẩm

Số liệu ba tháng thu được từ Điều tra thử lần 2 đã được phân tích và điều chỉnh cho mỗi sản phẩm theo các bước sau (xem Hình 3-14).

① Tính toán và tổng hợp tỷ trọng của mỗi sản phẩm bao gồm cả những sản phẩm khác trong mỗi ngành.

② Phân loại từng sản phẩm theo tiêu chí 3%. Ví dụ, một sản phẩm chiếm từ 3% giá trị xuất kho trở lên trong một ngành công nghiệp sẽ được phân vào "sản phẩm chính" và những sản phẩm có tỷ trọng dưới 3% sẽ được xem xét để quyết định loại ra khỏi danh mục. Mặt khác, một sản phẩm được phân vào mục "sản phẩm khác" nhưng có tỷ trọng từ 3% trở lên sẽ được bổ sung như một sản phẩm mới trong danh mục sản phẩm.

③ Xác nhận tính hợp lý của đơn vị tính (mức độ đại diện và sự linh hoạt)

④ Xác nhận lần cuối với TCTK về danh mục sản phẩm được xây dựng từ các bước nói trên

(2) Các kết quả phân tích danh mục sản phẩm

Các kết quả phân tích số liệu dựa trên sản phẩm của Điều tra thử lần 2 được thể hiện dưới đây (Bảng 3-11). Trong 9 địa bàn điều tra, có 120 sản phẩm không có báo cáo sản xuất. Đồng thời, kết quả cũng cho thấy rằng 229 sản phẩm có tỷ trọng dưới 3% trong ngành tương ứng. Tuy nhiên, cần chú ý rằng những hoạt động sản xuất đáng kể cho những sản phẩm này có thể được phân tích khi cuộc điều tra được mở rộng ra các địa bàn khác. Vì thế, quyết định cuối cùng rằng liệu một sản phẩm có tỷ trọng không đáng kể trong Điều tra thử lần 2 có được giữ nguyên trong Điều tra chính thức bên cạnh các sản phẩm mới bổ sung hay không sẽ được thảo luận với TCTK, những người đã có kinh nghiệm và số liệu từ các cuộc điều tra trước đây.

Danh mục cuối cùng được giới thiệu trong Nghiên cứu gồm có 48 ngành và được đính kèm trong Phụ lục. Trong số 524 sản phẩm được điều tra trong Điều tra thử lần 2, có 20 sản phẩm được loại bỏ và 7 sản phẩm được bổ sung nên danh mục cuối cùng gồm 511 sản phẩm. Chú ý rằng danh mục sản phẩm trình bày ở đây là các kết quả cuối cùng và cũng là đề nghị của Nhóm Nghiên cứu qua các cuộc điều tra thử. Danh mục được chuẩn bị với dự kiến nó sẽ được điều chỉnh và sử dụng bởi TCTK khi thực hiện Điều tra chính thức.

- Số ngành được điều tra: 48
- Số sản phẩm được điều tra: 511 (gồm 7 sản phẩm bổ sung)

Hình .3-14 Chu trình Phân tích và Điều chỉnh Danh mục sản phẩm

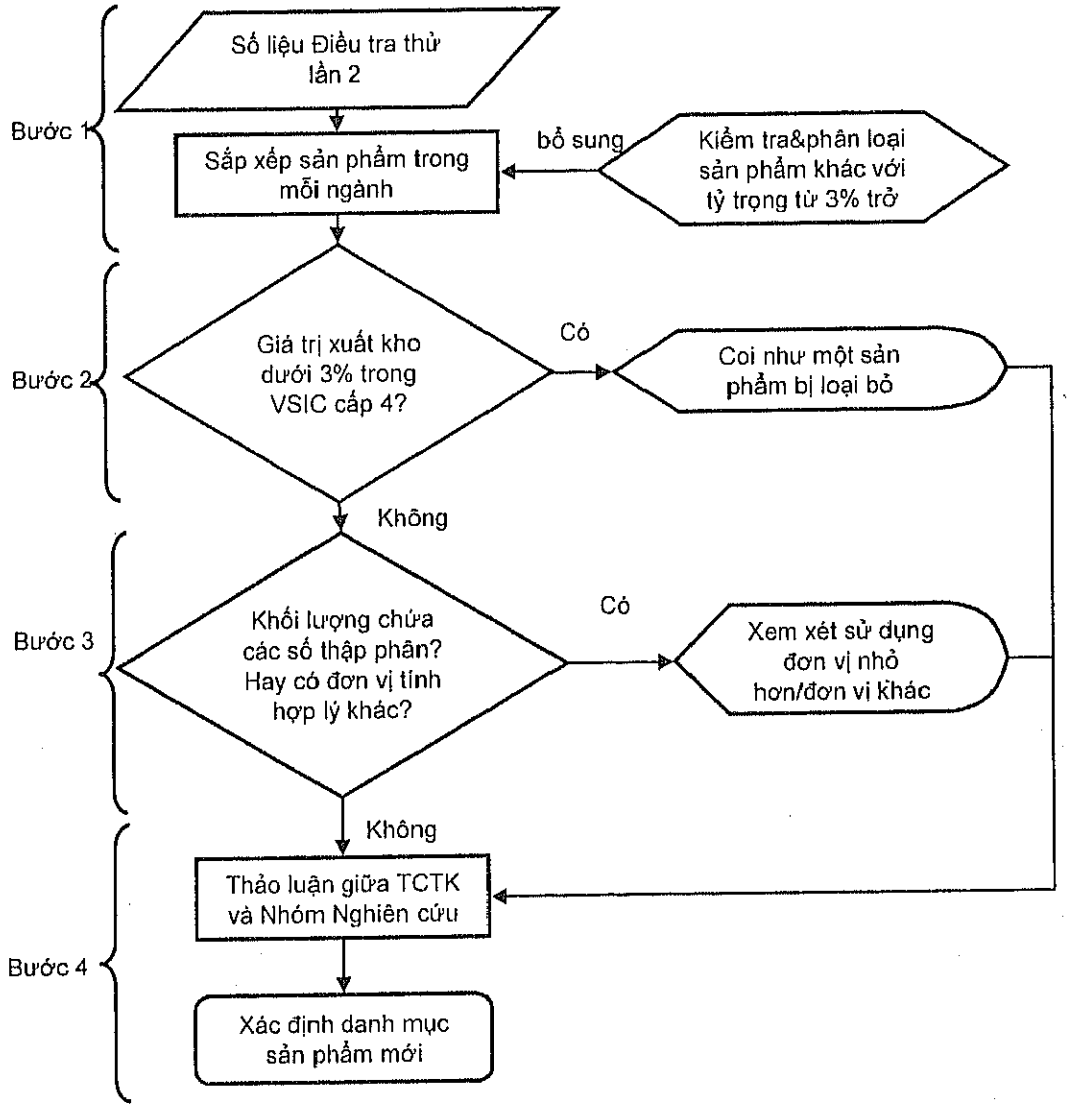

Bảng 3-11 Kết quả phân tích dữ liệu dựa trên sản phẩm từ Điều tra thử lần 2

		Số sản phẩm	Tỷ trọng (%)
Những sản phẩm trong danh mục (Tổng cộng 524)			
	Tỷ trọng trên 3% trong mỗi ngành	175	83.3%
	Tỷ trọng dưới 3% trong mỗi ngành	229	7.6%
	Không có hoạt động sản xuất được báo cáo	120	0%
Sản phẩm khác		2,632	9.0%
Tổng cộng			100.0%

CHÚ Ý 1: Số sản phẩm khác thể hiện số sản phẩm cộng dồn chưa xác định trong ba tháng lưu trên cơ sở dữ liệu
CHÚ Ý 2: Giá trị xuất kho của các sản phẩm khác không bao gồm một số giá trị bất thường

3.5.2 Hoàn thiện Phiếu điều tra

Dựa vào danh mục sản phẩm cuối cùng vừa trình bày và kết quả của các cuộc phỏng vấn điều tra viên địa phương cũng như những nhận xét trong các cuộc họp với TCTK, phiếu điều tra đã được điều chỉnh và hoàn thiện. Các chỉ tiêu điều tra được điều chỉnh theo quy trình dưới đây:

- Loại bỏ và bổ sung các sản phẩm
- Tăng phông chữ
- Mở rộng các ô nhập tin cho mỗi ngành do các ô quá nhỏ
- Bỏ các dòng "sản phẩm khác' trong mỗi ngành cụ thể
- Bổ sung tổng doanh thu thuần của mỗi doanh nghiệp cụ thể trong tháng điều tra cũng như doanh thu thuần công nghiệp trong mỗi ngành cụ thể.

Phiếu điều tra đề cập ở đây bao gồm bộ phiếu áp dụng cho 48 ngành như trong Phụ lục. Chú ý rằng phiếu điều tra được đề nghị in trong khổ giấy A4 nhưng với những ngành cần điều tra từ 15 sản phẩm trở lên thì dùng khổ giấy B4 để có thể dễ dàng đọc thông tin cũng như điền thông tin vào phiếu điều tra.

Chương 4 Thực hiện và Đánh giá các cuộc hội thảo và hội nghị chuyên đề

Chương 4 Thực hiện và Đánh giá các cuộc Hội thảo và Hội nghị tập huấn

Hơn 40 hội thảo và hội nghị tập huấn đã được tổ chức trong quá trình tiến hành dự án Nghiên cứu. Các buổi hội thảo và hội nghị được tổ chức nhằm hai mục đích chính:

① Nâng cao hiểu biết về thống kê công nghiệp và các chỉ số sản xuất công nghiệp; kế hoạch hợp thức hoá và thực hiện trong tương lai; phát triển khả năng thực hiện.

② Tăng cường sự hiểu biết của các cá nhân, tổ chức và đối tượng quan tâm về tầm quan trọng và sự cần thiết của thống kê sản xuất thường xuyên.

Kết quả của các cuộc hội thảo và hội nghị tập huấn cho Điều tra thử và nâng cao năng lực trong quá trình thực hiện Nghiên cứu được tổng kết như sau.

4.1 Tổng kết hội thảo và Hội nghị tập huấn

4.1.1 Các chương trình định hướng cho Điều tra thử lần 1

Trước khi thực hiện điều tra, các cuộc hội thảo doanh nghiệp và hội nghị tập huấn dành cho điều tra viên đã được tổ chức tại ba địa bàn trong năm đầu tiên và 9 địa bàn trong năm thứ hai của dự án Nghiên cứu. Các cuộc hội thảo doanh nghiệp dành cho những người chịu trách nhiệm điền phiếu của doanh nghiệp và hội nghị tập huấn được tổ chức dành cho điều tra viên Cục Tk và Phòng Tk quận/huyện. Kế hoạch và kết quả các chương trình định hướng cho Điều tra thử lần 1 được trình bày dưới đây.

4.1.1.1 Hội nghị tập huấn Điều tra viên

Trước khi thực hiện Điều tra thử lần 1, các cuộc hội nghị tập huấn điều tra viên đã được tổ chức tại từng tỉnh/Tp. Mục đích của các cuộc hội nghị này là giải thích khái niệm và sự cần thiết của điều tra thống kê sản xuất hàng tháng cũng như nâng cao kỹ năng bằng cách hướng dẫn các bước thực hiện và phương pháp điều tra trong Điều tra thử lần 1 cho điều tra viên. Hội nghị đã tổ chức tại 3 Cục TK là Hà Nội, Bắc Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung sau.

- Tóm tắt sơ lược về dự án JICA và Điều tra thử lần 1
- Quy trình lựa chọn và nội dung các ngành, sản phẩm và doanh nghiệp mục tiêu
- Giới thiệu Tài liệu hướng dẫn
- Giải thích phương pháp xử lý dữ liệu
- Hỏi và trả lời

Hầu hết người tham dự đều là cán bộ của Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của Cục Tk và Phòng TK quận/huyện (Bảng 4-1). Tất cả điều tra viên đều rất hợp tác và mang lại thành công cho hội nghị.

Các câu hỏi được đặt ra trong hội nghị hầu hết đều liên quan đến danh mục phân loại sản phẩm và phương pháp điền doanh thu hoặc khối lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ. Sau đó, từng Cục Tk cũng tổ chức riêng một cuộc họp để nghiên cứu thêm về những vấn đề đã thảo luận trong hội nghị.

Bảng 4-1 Hội nghị tập huấn Điều tra viên cho Điều tra thử lần 1

Ngày	Địa điểm	Số người tham dự
Ngày 17 tháng 9 năm 2004	Cục TK Hồ Chí Minh	37 (GSO 1, PSO 11, DSO 21, Nhóm nghiên cứu 4)
Ngày 21 tháng 9 năm 2004	Cục TK Bắc Ninh	39 (GSO 1, PSO 26, DSO 8, Nhóm nghiên cứu 4)
Ngày 23 tháng 9 năm 2004	Cục TK Hà Nội	30 (GSO 2, PSO 10, DSO 14, Nhóm nghiên cứu 4)

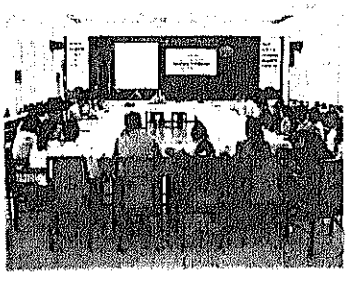

Toàn cảnh buổi hội nghị
(Cục TK Hồ Chí Minh)

Hướng dẫn Điều tra thử lần 1
(Cục TK Bắc Ninh)

Điều tra viên
(Cục TK Hà Nội)

4.1.1.2 Hội thảo doanh nghiệp

Giám đốc hoặc người điền phiếu của các doanh nghiệp mục tiêu được mời đến tham dự hội thảo tại 3 Cục TK như các hội nghị tập huấn. Hầu hết người tham dự là kế toán hoặc kế toán trưởng, những người chịu trách nhiệm báo cáo trong các cuộc điều tra thống kê và một số người là cán bộ quản lý. Tại tỉnh Bắc Ninh, có trường hợp một kế toán làm việc cho nhiều doanh nghiệp (một kế toán làm việc cho 7 doanh nghiệp). Trong cuộc hội thảo, người tham dự đã được giải thích về tính hữu ích của dữ liệu điều tra thống kê sản xuất thường xuyên thống giới thiệu về thống kê nước ngoài, các phương pháp điều tra trong điều tra thử lần 1, phiếu điều tra mẫu và tài liệu điều tra. Hầu hết những người tham dự đều nhanh chóng nắm bắt được phương pháp điều tra này bởi vì họ đã làm quen với các cuộc điều tra thực hiện của TCTK trong nhiều năm nay. Tuy nhiên, một số lại không hiểu rõ về về đặc điểm của thống kê sản xuất thường xuyên, về "điều tra theo sản phẩm" vì các doanh nghiệp không có điều kiện sử dụng số liệu thống kê vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong các trường hợp nào, hội thảo đều mang lại kết quả nhất định vì đây là bước đầu tiên giới thiệu về hệ thống điều tra mới thông qua việc làm rõ ý nghĩa của thống kê sản xuất thường xuyên cùng với khả năng áp dụng trong tương lai.

Các doanh nghiệp đặt ra rất nhiều câu hỏi như; liệu có phải điền "tiêu thụ nội bộ" hoặc "sử dụng nội bộ" hay không; sản phẩm trưng bày trong cửa hàng giới thiệu sản phẩm của doanh nghiệp (là xuất kho hay tồn kho); doanh thu thuần dựa trên phiếu giao hàng hay dựa trên hoá đơn thanh toán, v.v. Tất cả các câu hỏi đều được cán bộ TCTK hoặc các chuyên gia của Nhóm Nghiên cứu JICA trả lời.

Bảng 4-2 Hội thảo doanh nghiệp trong Điều tra thử lần 1

Địa bàn điều tra	Ngày	Địa điểm	Số người tham dự (Số DN được mời) Tỷ lệ tham dự	Số điều tra viên tham dự (PSO, DSO/GSO)
Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 25 tháng 10 năm 2004 (Thứ hai)	Hội trường Dinh độc lập	180 (260) 69%	34 + 2 Phó Vụ trưởng, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK
Thành phố Hà Nội	Ngày 27 tháng 10 năm 2004 (Thứ 4)	Hội trường, Nhà nghỉ Công đoàn	42 (175) 24%	24 + 5 Phó Vụ trưởng, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK
Tỉnh Bắc Ninh	October 28, 2004 (Thursday)	Hội trường chính, Cục Tk Bắc Ninh	56 (60*) 93%	14 + 5 Phó Vụ trưởng, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK

* Tại Bắc Ninh, một kế toán làm việc cho nhiều doanh nghiệp.

Người tham dự trong hội thảo doanh nghiệp (Ho Chi Minh PSO)

Hướng dẫn Điều tra thử lần 1 (Cục Tk Bắc Ninh)

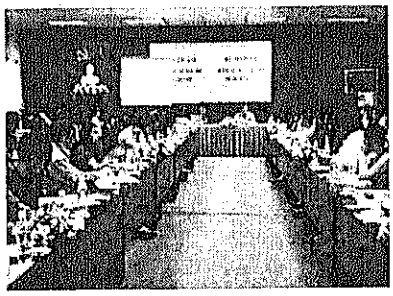

Khung cảnh toàn bộ hội thảo (Cục TK Hà Nội)

4.1.2 Các chương trình định hướng cho Điều tra thử lần 2

Trước khi thực hiện Điều tra thử lần 2 trong năm thứ hai của Nghiên cứu, các cuộc hội thảo và hội nghị tập huấn đã được tổ chức tại 9 tỉnh/thành phố. Hội thảo và hội nghị diễn ra trong cùng một khoảng thời gian. Các chuyên gia của Nhóm Nghiên cứu JICA cùng cán bộ của TCTK đã tới tham dự hội thảo và hội nghị ở tất cả các tỉnh/thành phố.

4.1.2.1 Hội nghị tập huấn Điều tra viên

Điều tra viên Cục Tk và Phòng Tk quận/huyện tham dự hội nghị tập huấn đã được Nhóm Nghiên cứu JICA và TCTK hướng dẫn các bước thực hiện điều tra giống như ở Điều tra thử lần 1. Có 9 Cục Tk tham gia vào Điều tra thử lần 2, bao gồm 3 Cục Tk trong Điều tra thử lần 1 và 6 Cục Tk mới. Mặc dù mục đích và phương thức thực hiện điều tra không thay đổi so với Điều tra thử lần 1, nhưng có thay đổi về chỉ tiêu điều tra, ngành và sản phẩm điều tra. Vì thế, các cuộc hội nghị tập

huấn được tổ chức nhằm mục đích giải thích về cuộc điều tra mới cho tất cả 9 Cục Tk. Cùng với hội nghị tập huấn điều tra viên, giới thiệu kế hoạch điều tra tiền trạm tiến hành ngay sau khi kết thúc Điều tra thử lần 2. Hội nghị tập huấn tập trung vào giới thiệu sơ lược về cuộc điều tra, khái niệm về điều tra chính thức và tầm quan trọng của phát triển chỉ số. Nội dung hướng dẫn bao gồm.

- Mục đích của dự án JICA và điều tra thử lần 2
- Phương pháp lựa chọn các đối tượng điều tra (ngành, sản phẩm, địa bàn, cơ sở kinh tế) để hiểu rõ hơn về cuộc điều tra
- Hướng dẫn quy trình điều tra cùng với "Tài liệu hướng dẫn" và "Phiếu điều tra"
- Sơ lược về phần mềm nhập tin và cách sử dụng
- Sơ lược về chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)
- TCTK xem xét và lập kế hoạch về điều tra tiền trạm và điều tra chính thức
- Hỏi và trả lời

Hội nghị tập huấn Điều tra viên tại Đà Nẵng

4.1.2.2 Hội thảo Cơ sở kinh tế

Tất cả những người chịu trách nhiệm điền phiếu điều tra đã được mời tham dự hội thảo và được Nhóm Nghiên cứu JICA và TCTK hướng dẫn. Trên thực tế, đơn vị điều tra đã thay đổi từ "doanh nghiệp" sang "cơ sở kinh tế" trong Điều tra thử lần 2. Tuy nhiên, do hầu hết các trường hợp 1 doanh nghiệp = 1 cơ sở kinh tế (xưởng sản xuất), nên những người tham dự đại diện cho cơ sở kinh tế mục tiêu có vai trò tương đương với người điền phiếu của doanh nghiệp. Bảng 3-4 giới thiệu ngày, địa điểm và số người tham dự hội thảo.

Bảng 4-3 Hội thảo Cơ sở kinh tế của Điều tra thử lần 2

	Địa bàn điều tra	Ngày	Cơ sở kinh tế mục tiêu		Số điều tra viên tham dự (PSO+DSO)
			Tổng số	Số người tham dự	
1	Đồng Nai	Ngày 22 tháng 9	187	112	25 (15+10)
2	Bình Dương	Ngày 23 tháng 9	292	270	45 (17+28)
3	Đà Nẵng	Ngày 27, 28 tháng 9	176	159	35 (9+26)
4	Hải Phòng	Ngày 29 tháng 9	200	165	35 (10+25)
5	Vĩnh Phúc	Ngày 30 tháng 9	66	58	26 (7+19)
6	Hà Nội	Ngày 5, 6 tháng 10	350	284	35 (18+17)
7	Thanh Hóa	Ngày 10, 11 tháng 10	120	51	35 (11+24)
8	Bắc Ninh*	Ngày 25 tháng 10	135	108	40 (15+25)
9	Hồ Chí Minh	Ngày 27 tháng 10	401	332	63 (33+30)

Mục đích của Hội thảo cơ sở kinh tế là:

- Trình bày ý nghĩa quan trọng của điều tra thống kê sản xuất hàng tháng đối với nền kinh tế Việt Nam, và giới thiệu kế hoạch trong tương lai.
- Hướng dẫn điền dữ liệu và gửi phiếu điều tra trong Điều tra thử lần 2.

Nội dung của hội thảo cơ sở kinh tế bao gồm:

- Mục đích của dự án JICA và sơ lược về thống kê sản xuất hàng tháng
- Sơ lược về Điều tra thử lần 2
- Hướng dẫn điền và nộp phiếu điều tra
- TCTK xem xét và lập kế hoạch về điều tra tiền trạm và điều tra chính thức
- Hỏi và trả lời

Hội thảo Cơ sở kinh tế tại Tp Hồ Chí Minh

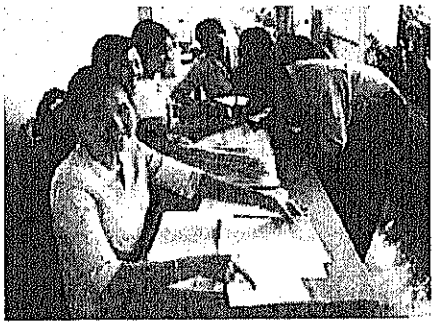

Bàn lễ tân tại tỉnh Bình Dương

4.2 Thành tựu, Đánh giá về Phát triển chuyên môn và Nâng cao hiểu biết

4.2.1 Thực hiện và Đánh giá về Phát triển chuyên môn

4.2.1.1 Hội nghị tập huấn kiểm tra phiếu

(1) Sơ lược thực hiện

Độ chính xác của dữ liệu chỉ có thể được xây dựng thông qua việc kiểm tra cẩn thận phiếu điều tra đã thu thập trước khi nhập tin. Hơn nữa, kiểm tra phiếu trong thời gian thu phiếu là rất quan trọng vì nếu thực hiện sau khi đã nhập tin thì sẽ phải mất nhiều thời gian và công sức để kiểm tra lại dữ liệu. Vì vậy, một buổi tập huấn kiểm tra phiếu đã được tổ chức dành cho các điều tra viên. Vì công việc điều tra chủ yếu là do các điều tra viên của Cục TK thực hiện nên hội nghị tập huấn đã diễn ra tại các Cục Tk. Hướng dẫn về Điều tra thống kê sản xuất hàng tháng cũng đồng thời được giới thiệu. Hội nghị tập huấn này tập trung chi tiết hơn vào các câu hỏi và câu trả lời so với hội thảo trước. Một cuộc hội thảo tương tự dành cho cán bộ của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng cũng đã diễn ra vì họ là những người có nhiệm vụ đào tạo cán bộ các Cục Tk. Hội nghị tập huấn này được tổ chức vào tháng thứ hai ngay sau khi bắt đầu Điều tra thử (Tham khảo Bảng 4-4).

Bảng 4-4 Các hoạt động phát triển chuyên môn

Địa bàn điều tra	Ngày	Đối tượng tham dự	Nội dung
Cục Tk Tp Hồ Chí Minh	Ngày 9 tháng 12 năm 2004	Cán bộ Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Cục Tk Tp Hồ Chí Minh	Hội nghị tập huấn về Phương pháp kiểm tra phiếu điều tra
TCTK	Ngày 13 tháng 12 năm 2004	Cán bộ Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK	Hội nghị tập huấn về Phương pháp kiểm tra phiếu điều tra
Cục Tk Hà Nội		Cán bộ Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Cục Tk Hà Nội	
Cục Tk Bắc Ninh	Ngày 14 tháng 12 năm 2004	Cán bộ Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Cục Tk Bắc Ninh	Hội nghị tập huấn về Phương pháp kiểm tra phiếu điều tra
Cục Tk Bình Dương	Ngày 6 tháng 12 năm 2005	Cán bộ Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Cục Tk Bình Dương	Hội nghị tập huấn về Phương pháp kiểm tra phiếu điều tra

(2) Nội dung thực hiện

Kiểm tra bằng cách sử dụng phiếu điều tra của hai tháng liên tiếp và so sánh dữ liệu từng chỉ tiêu điều tra của các phiếu. Trong buổi hội nghị, các bước chuyển giao kỹ thuật đã được tiến hành đặc biệt là các phương pháp sau.

- Phương pháp kiểm tra lỗi của các con số
- Phương pháp làm tròn số
- Phương pháp kiểm tra dữ liệu của tháng trước và tháng này
- Phương pháp nhập số liệu trong trường hợp cơ sở kinh tế sử dụng đơn vị khác (hướng dẫn cơ sở kinh tế sử dụng theo đơn vị trong phiếu điều tra).

Trong hội nghị tập huấn, phiếu điều tra thực tế được sử dụng để hướng dẫn. Ngoài ra, bên cạnh phương pháp kiểm tra phiếu điều tra, hội nghị còn đưa ra những đặc điểm và sự khác nhau giữa điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện tại và điều tra chọn mẫu hàng tháng dựa trên khối lượng sản phẩm.

(3) Đánh giá thực hiện

Hội nghị tập huấn đã mang lại ý thức về tầm quan trọng của việc kiểm tra phiếu và khuyến khích điều tra viên thực hiện công việc kiểm tra phiếu điều tra. Điều đó được chứng minh từ thực tế là ngay sau hội nghị, cán bộ của Cục Tk đã kiểm tra phiếu bằng cách so sánh với phiếu điều tra của tháng trước. Mọi người hiểu khá rõ về quy trình và cách kiểm tra vì nó giống với cuộc điều tra hiện tại đang áp dụng. Mặt khác, điều tra tiền trạm và điều tra chính thức cần phải được nghiên cứu thêm để nâng cao khả năng thu thập dữ liệu về sản phẩm, điều chỉnh phân loại sản phẩm và khả năng phân tích ngành.

4.2.1.2 Hội thảo Phát triển Chỉ số

(1) Sơ lược thực hiện

Trong giai đoạn cuối của Điều tra thử lần 2, dữ liệu của cuộc điều tra đã được sử dụng để tính chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và chuẩn bị cho việc công bố. Để đạt mục đích này, hội thảo phát triển chỉ số dành cho cán bộ của Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK, Cục Tk Hà Nội và Cục Tk thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra trong suốt thời gian thực hiện Điều tra thử lần 2. Hội thảo đã được tổ chức liên tục, tạo điều kiện thực hành cho các cán bộ (Bảng 4-5).

Bảng 4-5 Hội thảo Phát triển Chỉ số

Mục đích	Ngày	Đối tượng tham dự	Nội dung
Hội thảo Phát triển Chỉ số	Ngày 6~7 tháng 10 năm 2005	Đại diện của các Vụ trong TCTK, tất cả cán bộ Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng TCTK, v.v	Trung tâm Hội nghị Quốc tế, Hà Nội
Thực hành phát triển chỉ số cho Điều tra thử lần 2	Ngày 7 tháng 12 năm 2005	Cán bộ phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Cục Tk Hồ Chí Minh	Hội trường lớn Cục Tk thành phố Hồ Chí Minh
	Ngày 19 tháng 12 năm 2005	Cán bộ Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng TCTK	Phòng họp #502 TCTK
Thực hành phát triển chỉ số ②	Ngày 5 tháng 1 năm 2006	Cán bộ Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng TCTK	Phòng họp #502 TCTK

(2) Nội dung thực hiện

Trong hội thảo phát triển chỉ số, những chủ đề sau đã được trình bày: sơ lược về cách tính chỉ số ở Nhật Bản; sự khác nhau giữa "chỉ số khối lượng" và "chỉ số giá"; phương pháp phân tích sử dụng mức độ đóng góp. Ngoài ra, hội thảo còn giải thích về lý thuyết tính chỉ số theo "Tài liệu hướng dẫn tính toán chỉ số", phương pháp tính cụ thể sử dụng Excel và sự khác nhau giữa chỉ số hiện tại và chỉ số IIP. Những cán bộ chịu trách nhiệm tính chỉ số IIP của TCTK được thực hành

tính chỉ số cho Điều tra thử lần 2. Cụ thể, các nội dung chính bao gồm: Tiểu sử của các nhà sáng lập chỉ số; phương pháp tính chỉ số cụ thể; các vấn đề trong quá trình thực hành; trả lời và giải thích.

(3) Đánh giá thực hiện

Trong Nghiên cứu này, cách tính chỉ số là nội dung được yêu cầu nhiều nhất trong hoạt động chuyển giao công nghệ cho phía đối tác. Thống kê công nghiệp hiện tại ở Việt Nam tập trung vào số liệu thống kê cấp địa phương hơn là thống kê cấp quốc gia. Vì lý do này, xây dựng dữ liệu thống kê (bao gồm cả chỉ số) cấp địa phương là vấn đề quan trọng mà Nghiên cứu phải chú ý đến. Do đó, hội thảo phát triển chỉ số được yêu cầu rất nhiều trong bước chuyển giao công nghệ và những người tham dự hội thảo học hỏi rất nghiêm túc về vấn đề này. Trong thực tế, cần phải có nhiều buổi thực hành hơn mới có thể thành thạo trong việc tính toán chỉ số. Theo yêu cầu phía Việt Nam, nếu có thể, phát triển chỉ số ở cấp địa phương (Cục Tk) phải được tiến hành ngay sau điều tra tiền trạm dưới sự hỗ trợ của Nhật Bản.

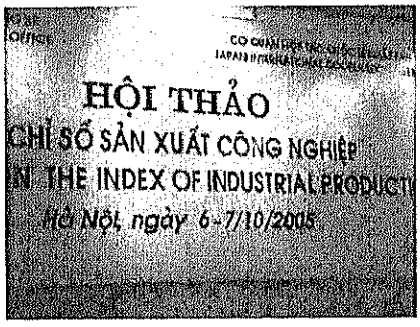

Hội thảo Phát triển Chỉ số tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế, Hà Nội

4.2.2 Thực hiện và Đánh giá việc Nâng cao nghiệp vụ

Một trong những mục đích chính của Nghiên cứu là nâng cao hiểu biết về thống kê sản xuất thường xuyên và chỉ số sản xuất cho người sử dụng thống kê cũng như tất cả công chúng. Những hoạt động tuyên truyền đối với doanh nghiệp đã được thực hiện thông qua các cuộc hội thảo mặc dù với số lượng tham Điều tra thử rất hạn chế. Trong phần này, các hoạt động tuyên truyền khác để nâng cao hiểu biết được miêu tả dưới đây.

4.2.2.1 Hội thảo Nâng cao hiểu biết

(1) Sơ lược thực hiện

Trong giai đoạn bắt đầu Nghiên cứu, hội thảo được tổ chức cho các cán bộ làm việc trong lĩnh vực thống kê công nghiệp Việt Nam. Hội thảo với chủ đề "Thống kê sản xuất là gì?" diễn ra vào ngày 30 tháng 6 năm 2004 tại Hà Nội, ngay sau khi vừa bắt đầu cuộc nghiên cứu. Có tổng số 40 người tham dự, trong đó có cán bộ của TCTK, Bộ Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Tk Hà Nội và Cục Tk thành phố Hồ Chí Minh. Họ là những người làm công tác liên quan đến thống kê công nghiệp.

(2) Nội dung thực hiện

Hội thảo bao gồm những nội dung sau.

- Lợi ích của số liệu dựa trên khối lượng sản phẩm
- Sơ lược về Điều tra sản xuất hiện tại ở Thái Lan và Philippine
- Điều kiện và các vấn đề hiện nay về thống kê sản xuất hàng tháng tại Việt Nam

(3) Đánh giá thực hiện

Điều quan trọng là thay đổi cách nghĩ của TCTK và những người tham gia vào công việc thống kê. Vì lý do đó, giải thích về ý nghĩa và tầm quan trọng của điều tra dựa trên khối lượng sản phẩm, cũng như mục đích của cuộc nghiên cứu và ý kiến trao đổi về những điểm khác biệt so với điều tra chọn mẫu hàng tháng, sẽ đem lại kết quả nhất định. Ngoài ra, Bộ Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và những thành viên trong Ban Điều hành của dự án Nghiên cứu cũng được giới thiệu về tiến trình báo cáo và giải thích về điều tra sản xuất hiện tại.

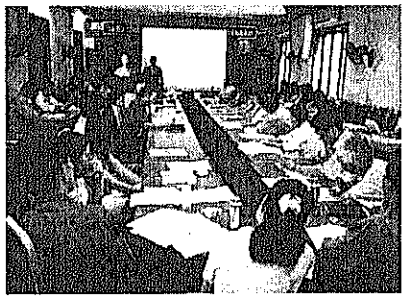

Hội nghị tập huấn nâng cao nghiệp vụ tại TCTK

4.2.2.2 Hội thảo về Báo cáo tạm thời

(1) Sơ lược thực hiện

Cùng với việc trình Báo cáo tạm thời, một cuộc hội thảo về Báo cáo tạm thời, về phương thức sử dụng thống kê và kế hoạch trong tương lai đã được tổ chức tại Hà Nội dành cho TCTK và những người làm công tác thống kê. Trong tổng số 136 người tham dự, có Tổng Cục trưởng và các cán bộ TCTK, cán bộ các Cục Tk, cán bộ các tổ chức chính phủ khác như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ và đại diện các doanh nghiệp tư nhân.

(2) Thực hiện và Kết quả

Nội dung hội thảo bao gồm.

- Báo cáo tạm thời
- Các ví dụ về thống kê sản xuất thường xuyên
- Trình bày tóm tắt Điều tra thử lần 1
- Kế hoạch thực hiện thống kê sản xuất thường xuyên áp dụng ở Việt Nam

(3) Đánh giá thực hiện

Những người tham dự đã đặt ra nhiều câu hỏi liên quan đến năm đầu tiên của Nghiên cứu và những kinh nghiệm có được từ Điều tra thử lần 1. Đặc biệt, đại biểu của 3 Cục Tk trong Điều tra thử lần 1 đã nêu ra những vấn đề khó khăn và những gợi ý cho năm tiếp theo. Phía TCTK cũng bày tỏ ý kiến của họ nhằm gặt hái thành công của Nghiên cứu bằng cách giới thiệu thống kê sản xuất có độ tin cậy cao. Nhìn chung, sự hiểu biết của những đối tượng liên quan đến phương pháp điều tra mới đã được nâng cao rõ rệt.

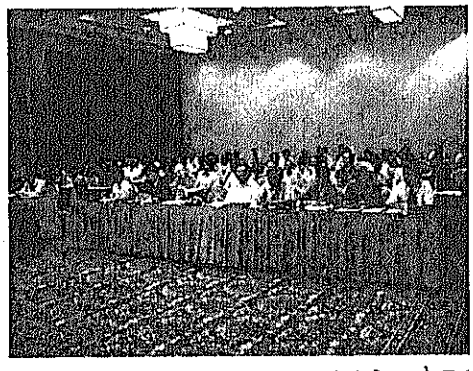
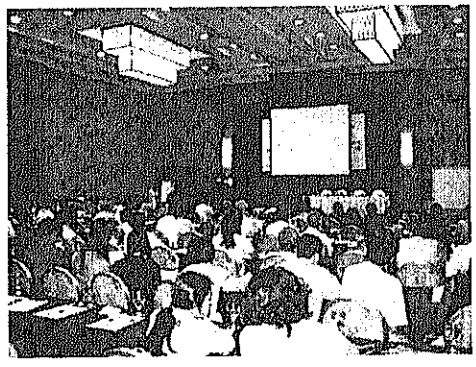

Hội thảo về Báo cáo Tạm thời

4.2.2.3 Hội thảo về Điều tra tiền trạm

TCTK lập kế hoạch thực hiện điều tra thống kê sản xuất thường xuyên (điều tra tiền trạm) với quy mô lớn hơn Điều tra thử do Nghiên cứu JICA thực hiện. Hội thảo về Điều tra tiền trạm đã được TCTK tổ chức tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 7 và 8 tháng 12 năm 2005. Cuộc hội thảo này nhằm mục đích giải thích và hướng dẫn về cuộc điều tra. Trong hội thảo, các đại diện của 25 Cục Tk (mỗi Cục TK hai người) đã tham dự cùng với Phó Tổng Cục trưởng và cán bộ của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng TCTK. Tổng số có 90 người tham dự. Các chuyên gia đại diện

cho Nhóm Nghiên cứu JICA cũng tham dự hội thảo và trình bày về "Sơ lược về xây dựng và phát triển chỉ số", "Ứng dụng và thực hành thống kê sản xuất thường xuyên" và "Những chú ý cần thiết về việc nhập dữ liệu phiếu điều tra."

Tất nhiên, mức độ hiểu và ý thức về thống kê sản xuất thường xuyên của đại diện các Cục Tk mới và 9 Cục Tk đã từng có kinh nghiệm trong Điều tra thử là khác nhau. Mức độ hiểu biết về thống kê sản xuất thường xuyên được củng cố thông qua hoạt động thực tiễn. Những người đã từng tham gia Điều tra thử sẽ hiểu rõ hơn người mới tham gia. Thành tựu quan trọng nhất của cuộc hội thảo là người tham dự đã hiểu rõ hơn về thống kê sản xuất thường xuyên cũng như ý thức hơn trong việc xây dựng một cơ cấu để chuẩn bị cho cuộc điều tra mới.

4.2.2.4 Hội thảo Đánh giá Điều tra Tiền trạm

Dựa trên phân tích kết quả thực hiện Điều tra Tiền trạm trong ba tháng đầu tiên, hội thảo kéo dài 1 ngày rưỡi cho các Cục Thống kê tham gia thực hiện cuộc Điều tra đã được tiến hành tại Hải Phòng (miền Bắc) và Nha Trang (miền Nam). Thời gian, địa điểm hội thảo và thành phần tham dự được tóm tắt như sau:

(1) Khái quát về các cuộc hội thảo

Hội thảo ở miền Bắc: 8:00 sáng. – 5:00 chiều., 30 – 31 tháng 5 năm 2006

Địa điểm: Phòng Hội thảo, Khách sạn Công đoàn (Đồ Sơn)

Đại biểu: ông Hùng - Tổng cục Trưởng, Tổng cục Thống kê, bà Liên - Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Giá cả, TCTK, ông Tuấn - Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK, và 15 Cục TK lớn ở phía Bắc mỗi Cục cử 2-3 đại biểu. Tổng cộng xấp xỉ 80 đại biểu tham dự hội thảo.

Hội thảo ở miền Nam: 8:00 sáng – 5:00 chiều, 2 – 3 tháng 6 năm 2006

Địa điểm: Phòng Hội thảo, Khách sạn Hữu Nghị (Nha Trang)

Đại biểu: ông Thức – Phó Tổng cục Trưởng, TCTK, ông Tuấn - Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng và đại biểu của 17 Cục TK lớn trong miền Nam và Phó Cục trưởng Cục TK Hà Nội (tham gia trình bày). Tổng cộng xấp xỉ 75 đại biểu tham dự hội thảo.

(2) Tóm tắt việc thực hiện và đánh giá

Trong ngày đầu tiên của hội thảo, các báo cáo được Nhóm Nghiên cứu và đại biểu từ Vụ Nghiên cứu và Thống kê của METI thực hiện. Tiếp theo là các bài trình bày của các địa diện từ TCTK và các Cục TK chủ chốt (khoảng ba Cục TK) và phần giải thích của Trung tâm Tin học. Ngày thứ hai chủ yếu là các câu hỏi và trả lời, các thảo luận về các biện pháp phát triển, hướng dẫn và giải thích của Nhóm Nghiên cứu và TCTK. Vì hầu hết các đại biểu tham dự đã có kinh nghiệm thực hiện MSMIP và các thảo luận được dựa trên những kinh nghiệm đó, chẳng hạn như các vấn đề phát sinh, nên cuộc hội thảo rất hiệu quả trong việc nâng cao hiểu biết về MSMIP.

Nếu MSMIP được bắt đầu chính thức từ năm 2007, các cuộc hội thảo khác cho các điều tra viên tại các địa bàn chưa tham gia Điều tra tiền trạm là điều vô cùng cần thiết. Đồng thời, cần nỗ lực phát triển một phương pháp chuyển giao chuyên môn và kinh nghiệm từ các Cục TK đã tham gia Điều tra Tiền trạm cho các Cục TK chưa hề tham gia.

4.2.2.5 Bản tin thống kê

(1) Sơ lược thực hiện

Bản tin thống kê công bố và cung cấp thông tin về Dự án Nghiên cứu JICA và tình trạng thống kê công nghiệp ở các quốc gia khác. Đây là công cụ cung cấp thông tin về thống kê sản xuất thường xuyên. Cứ ba hoặc bốn tháng một lần, bản tin thống kê lại được biên soạn và công bố. Tổng số có 6 bản tin đã ban hành trong vòng hai năm qua. Mỗi ấn bản dài từ 6 đến 8 trang bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Hai trăm bản copy cho mỗi bản tin đã được gửi tới các tổ chức có liên quan như TCTK, các Cục Tk, Uỷ ban nhân dân và các tổ chức công nghiệp khác.

(2) Thực hiện và Kết quả

Nội dung chính của các bản tin thống kê bao gồm.

1) Bản tin thống kê số 1(tháng 6 năm 2004)
   - Mong muốn từ Nghiên cứu Phát triển của JICA (Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, TCTK)
   - Giới thiệu Nghiên cứu Phát triển Thống kê Công nghiệp Việt Nam (Nhóm Nghiên cứu JICA)
   - 10 nguyên tắc cơ bản của thống kê chính thức (Nhóm Nghiên cứu JICA)
   - Hội thảo đầu tiên của Nghiên cứu Phát triển Thống kê Công nghiệp Việt Nam (Nhóm Nghiên cứu JICA)
2) Bản tin thống kê số 2 (tháng 10 năm 2004)
   - Công bố ra mắt trang thông tin điện tử nhằm phổ biến hơn nữa thông tin thống kê Việt Nam (Tổng Cục trưởng TCTK)
   - Giới thiệu về Cuộc điều tra thử lần 1 (Nhóm Nghiên cứu JICA)
   - Hội nghị tập huấn Điều tra viên của Điều tra thử lần 1 (Nhóm Nghiên cứu JICA)
   - Giới thiệu về Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Nhật Bản (Nhóm Nghiên cứu JICA)
3) Bản tin thống kê số 3 (tháng 2 năm 2005)
   - Lời chúc mừng năm mới (Vụ trưởng Vụ Công nghiệp và Xây dựng TCTK và Nhóm Nghiên cứu JICA)
   - Xem xét quá trình thực hiện Điều tra thử lần 1 (Phó Vụ trưởng Vụ thống kê Công nghiệp và Xây dựng TCTK)
   - Phỏng vấn về Điều tra thử lần 1 (Phỏng vấn cán bộ Vụ Công nghiệp và Xây dựng TCTK)
   - Giới thiệu Thống kê Công nghiệp hàng tháng ở các nước khác (Nhật Bản) (Nhóm Nghiên cứu JICA)
   - Giới thiệu về truyền thống đón năm mới ở Nhật Bản (Nhóm Nghiên cứu JICA)
4) Bản tin thống kê số 4 (tháng 6 năm 2005)
   - Quá trình thực hiện Điều tra thử lần 1 (Nhóm Nghiên cứu JICA)

- Năm thứ hai của Nghiên cứu Phát triển Thống kê Công nghiệp (Nhóm Nghiên cứu JICA)
- Giới thiệu về Thống kê Công nghiệp hàng tháng ở các nước khác (Anh). (Nhóm Nghiên cứu JICA)
- Hội chợ Aichi Expo năm 2005 (Nhóm Nghiên cứu JICA)

5) Bản tin thống kê số 5 (tháng 11 năm 2005)
- Tiến trình Điều tra thử lần 2 (Nhóm Nghiên cứu JICA)
- Hội thảo cơ sở kinh tế và Hội nghị tập huấn điều tra viên cho Điều tra thử lần 2 (Nhóm Nghiên cứu JICA)
- Giới thiệu về Thống kê Công nghiệp hàng tháng ở các nước khác (Hoa Kỳ). (Nhóm Nghiên cứu JICA)
- Một số kinh nghiệm của Thái Lan về Điều tra sản xuất thường xuyên (Phó Vụ trưởng Vụ thống kê Công nghiệp và Xây dựng TCTK)

6) Bản tin thống kê số 6 (tháng 7 năm 2006)

Mẫu Bản tin Thống kê

(3) Đánh giá thực hiện

Bản tin Thống kê đã kịp thời chuyển tải đến cho người đọc những thông tin hữu ích theo từng giai đoạn của Nghiên cứu. Bản tin thống kê cũng cung cấp thông tin về tình hình thống kê ở các quốc gia khác. Những thông tin này sẽ tạo cơ hội cho người đọc định hướng những việc cần làm để thống kê Việt Nam theo kịp làn sóng toàn cầu hoá. Tuy nhiên, bản tin thống kê không nhận được thông tin phản hồi nào từ độc giả ngoài phía đối tác để ngày càng được cải tiến.

4.2.2.6 Chuyên san về Thống kê sản xuất thường xuyên (tạp chí)

(1) Sơ lược thực hiện

Tạp chí đặc biệt của TCTK được in ấn và xuất bản các thông tin liên quan đến thống kê nhằm nâng cao sự hiểu biết về thống kê sản xuất thường xuyên . Tại Việt Nam, sách và các ấn phẩm phổ biến mang lại hiệu quả cao hơn so với các phương tiện truyền thông đại chúng khác như vô tuyến

hay radio. Các tạp chí được phân phối tới các đơn vị thống kê như các Vụ của TCTK, Uỷ ban nhân dân và các tổ chức Chính phủ khác.

(2) Thực hiện và Kết quả

Chuyên san đặc biệt bao gồm những nội dung chính sau đây.

- Giới thiệu về dự án "Phát triển Thống kê Công nghiệp Việt Nam" và lộ trình áp dụng vào thực tế Việt Nam
- Thực trạng về điều tra công nghiệp hàng tháng hiện nay và những bất cập
- Quá trình thực hiện thống kê sản xuất thường xuyên
- Phương án thực hiện điều tra tiền trạm tại 25 tỉnh/thành phố trong năm 2006
- Thực trạng về thống kê sản xuất thường xuyên ở các quốc gia khác (Nhật Bản và Thái Lan).

(3) Đánh giá thực hiện

Tuyên truyền bằng các phương tiện truyền thông đại chúng hoặc bằng ấn phẩm sẽ đem lại hiệu quả nhất thời. Công bố một ấn phẩm đặc biệt dưới dạng một quyển sách được xem là rất hữu ích bởi vì người đọc có thể mua dễ dàng và sử dụng những thông tin về thống kê sản xuất và các thông tin có liên quan bất cứ khi nào họ muốn. Ấn phẩm cũng mang lại lợi ích lâu dài, kể cả việc nó là phương tiện ghi nhớ hiệu quả công việc của các tổ chức có liên quan đến các các hoạt động của thống kê sản xuất thường xuyên.

4.3 Kế hoạch Nâng cao năng lực và Phát triển Nhận thức tại Việt Nam

Như đã trình bày trong chương này, các hoạt động để nâng cao nhận thức chung về thống kê sản xuất thường xuyên và chỉ số sản xuất đã được thực hiện thông qua hai cuộc điều tra thử và hơn 40 cuộc hội thảo và hội nghị tập huấn.

Các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện và những nỗ lực trong tương lai được trình bày dưới đây.

(1) Những vấn đề tồn tại

Các cuộc hội thảo và hội nghị chuyên đề chủ yếu được tổ chức cho các đơn vị tham gia vào hoạt động phát triển thống kê công nghiệp như: cơ quan thực hiện điều tra thống kê (TCTK và các Cục Tk), các đối tượng điều tra (doanh nghiệp), và các tổ chức Chính phủ (Bộ Công nghiệp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Vì thế, đối tượng sử dụng số liệu chính của các cuộc điều tra thống kê hiện nay là các Uỷ ban nhân dân sẽ không có cơ hội để học hỏi và hiểu rõ về điều tra thống kê sản xuất thường xuyên, trong khi cuộc điều tra này sẽ thay thế phương pháp điều tra cũ hiện nay.

Các buổi hội thảo và hội nghị tập huấn về phát triển chỉ số và các chủ đề khác của Nhóm nghiên cứu JICA cũng nhằm mục đích cố gắng thay đổi tư duy các tổ chức có liên quan về việc thay đổi phương pháp hiện nay bằng phương pháp mới. Điều này cũng quan trọng như việc tuyên truyền nhận thức và chuyển giao công nghệ.

(2) Thách thức trong tương lai

Cần tiếp tục các hoạt động nâng cao nhận thức về thống kê sản xuất thường xuyên của các Uỷ ban nhân dân (tất cả các cấp như: cấp tỉnh/thành phố, cấp quận/huyện, cấp phường/xã) vì đây là đối tượng sử dụng thống kê chính. Bên cạnh đó, cũng cần tiếp tục thay đổi nhận thức của các tổ chức Chính phủ khác, ngoài Bộ Công nghiệp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của các doanh nghiệp không tham gia điều tra, cũng như tiếp tục các hoạt động tuyên truyền cho các đơn vị thực hiện điều tra.

Ngoài ra, để nâng cao sự hiểu biết của đông đảo mọi người, cần phải sử dụng các công cụ tuyên truyền dạng ấn phẩm như các loại tạp chí và báo được phổ biến rộng rãi trong công chúng.

Phần II